

TP.HCM, ngày 20 tháng 5 năm 2021
Ho Chi Minh City, 20 May, 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG /
THIEN LONG GROUP CORPORATION**
Mã chứng khoán/ *Securities Symbol* : **TLG**
Địa chỉ trụ sở chính/ *Address* : **Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM/
Lot 6-8-10-12, Road No.3, Tan Tao Industrial Park, Binh Tan
District, Ho Chi Minh City, Viet Nam**
Điện thoại/ *Telephone* : **+84 28 3750 5555** Fax: **+84 28 3750 5577**

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: **TRẦN PHƯƠNG NGA**

Chức vụ/ *Position*: **Phó Tổng Giám đốc Thường trực Khối Kinh doanh kiêm Phó Tổng Giám đốc Tài
chính Kế toán / *Chief Operating Officer of Business cum Chief Finance Officer***

Loại thông tin công bố : Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020.
- *Documents of the Annual General Meeting of Shareholders for the financial year 2020.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/05/2021 tại đường dẫn
<http://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong>

*This information was disclosed on Company's website on date 20/05/2021, available at:
<http://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về
nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for
any misrepresentation*

Tài liệu đính kèm/ *Attachment*:

- Tài liệu ĐHDCĐ
- *Documents of the AGM*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/ Người được UQ CBTT
Legal representative/ Party authorized to disclose information
THIÊN LONG
TRẦN PHƯƠNG NGA



DỰ THẢO

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2020

Ngày 11 tháng 06 năm 2021



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

-----o0o-----

DỰ THẢO



DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 (dự thảo).
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020.
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020.
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.
5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán (đính kèm trích dẫn BCTC kiểm toán năm 2020 riêng và hợp nhất)
6. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020.
7. Tờ trình thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.
8. Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2021.
9. Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
10. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
11. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
12. Tờ trình thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động.
13. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.

CHƯƠNG TRÌNH (dự thảo)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
(Thứ Sáu, từ 08h30 đến 11h30, ngày 11/06/2021)

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

1. **Thời gian:** 8 giờ 30 phút, sáng thứ Sáu, ngày 11 tháng 06 năm 2021.
2. **Địa điểm:** Khách sạn New World Sài Gòn, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

STT	Nội dung	Chịu trách nhiệm	Thời gian	Ghi Chú
A	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
1	Tiếp đón, kiểm tra tư cách đại biểu tham dự và phát tài liệu.	Ban Tổ chức	08h30 – 09h00 (30 phút)	
B	NGHI THỨC KHAI MẠC			
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.	Thư ký đoàn	09h00 – 09h05 (5 phút)	
3	Báo cáo kết quả tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.	Ban Kiểm soát	09h05 – 09h10 (5 phút)	
4	Thông qua Nội dung chương trình Đại hội, Danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn và Ban Kiểm phiếu.	Thư ký đoàn	09h10 – 09h15 (5 phút)	
5	Phát biểu khai mạc Đại hội.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	09h15 – 09h20 (5 phút)	
C	NỘI DUNG CHÍNH			
6	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	09h20 – 09h30 (10 phút)	
7	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020.	Tổng Giám đốc	09h30 – 09h55 (25 phút)	
8	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.	Trưởng Ban Kiểm soát	09h55 – 10h00 (5 phút)	

STT	Nội dung	Chịu trách nhiệm	Thời gian	Ghi Chú
9	<p>Các nội dung tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; - Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2021; - Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Tờ trình thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động. 	Thư ký đoàn	10h00 – 10h30 (30 phút)	
10	Đối thoại với Cổ đông.	Chủ tọa đoàn	10h30 – 10h50 (20 phút)	
11	Biểu quyết thông qua các mục (6), (7), (8), (9).	Thư ký đoàn	10h50 – 11h00 (10 phút)	
12	Đại hội giải lao.		11h00 – 11h10 (10 phút)	
13	Công bố kết quả kiểm phiếu.	Ban Kiểm phiếu	11h10 – 11h20 (10 phút)	
14	Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020.	Thư ký đoàn	11h20 – 11h30 (10 phút)	
D	BẾ MẠC			
15	Tuyên bố bế mạc Đại hội.	Thư ký đoàn	11h30	

Ghi chú: Chương trình và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại www.thienlonggroup.com

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Số: 01/2021/BC- ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----~~SECRET~~-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Hội đồng Quản trị (HĐQT) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020

Năm 2020, với sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi. Trong bối cảnh hết sức khó khăn như vậy, GDP Việt Nam năm 2020 vẫn tăng 2,91%. Tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Trải qua một năm 2020 đầy biến động và thách thức, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo của HĐQT, sự bản lĩnh của Ban Tổng Giám đốc và hơn hết là sự đồng lòng của toàn thể CBCNV, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh đáng trân trọng như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2020 đạt 2.684,6 tỷ, đạt 96% kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 239,8 tỷ, vượt 9% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (BKS) và Ban Tổng Giám đốc (TGD).

Chế độ thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS và Ban TGD luôn được Thiên Long đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm, đảm bảo tương xứng với trách nhiệm và kết quả hoạt động của từng cá nhân.

Tiền lương và các quyền lợi gộp khác của các nhân sự quản lý chủ chốt nhận được trong năm 2020 là 43,4 tỷ đồng và được trình bày tại Thuyết minh số 39 của Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp nhằm thông qua các chủ trương quan trọng trong định hướng phát triển của Công ty. Trong đó, có những cuộc họp với những quyết sách mang tính chiến lược cho sự phát triển lâu dài của Thiên Long.

• **Các Nghị quyết/ Quyết định đã được ban hành, bao gồm:**

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	01/2020/NQ - HĐQT	17/02/2020	Thông qua việc chọn ngày chốt danh sách cổ đông để chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt.
2	02/2020/NQ - HĐQT	18/03/2020	Thông qua việc mua lại cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ.
3	03/2020/NQ - HĐQT	04/05/2020	Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Tâm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.
4	04/2020/NQ - HĐQT	13/05/2020	Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2019.
5	05/2020/NQ - HĐQT	29/05/2020	Thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý của Tập đoàn Thiên Long.
6	06/2020/NQ - HĐQT	08/06/2020	Thông qua việc chấp thuận đề nghị xin từ chức chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ông Trần Kim Thành và tiếp nhận thông tin từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của ông Trần Kim Thành.
7	07/2020/NQ - HĐQT	08/07/2020	Thông qua việc chọn công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020 và ngày chốt danh sách cổ đông để chi cổ tức đợt 3 năm 2019 & tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt.
8	08/2020/NQ - HĐQT	01/10/2020	Thông qua việc bổ nhiệm ông Teo Hwee Beng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh Quốc tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long thay thế cho ông Trần Trung Hiệp.

9	09/2020/NQ - HĐQT	15/10/2020	Thông qua quy chế lựa chọn người lao động được tham gia chương trình bán cổ phiếu quỹ cho người lao động; danh sách người lao động được phân phối cổ phiếu, nguyên tắc xác định giá bán và thời gian thực hiện.
10	10/2020/NQ - HĐQT	15/10/2020	Thông qua việc triển khai và thực hiện hồ sơ bán cổ phiếu quỹ cho người lao động và lựa chọn Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ.
11	11/2020/NQ - HĐQT	15/10/2020	Thông qua kế hoạch sử dụng vốn từ đợt bán cổ phiếu quỹ cho người lao động trong Công ty.
12	12/2020/NQ - HĐQT	30/10/2020	Thông qua việc điều chỉnh nguồn xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán cổ phiếu quỹ cho Người lao động.
13	13/2020/NQ - HĐQT	25/12/2020	Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty Flexoffice Pte. Ltd.
14	14/2020/NQ - HĐQT	25/12/2020	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt.

- **Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị điều chỉnh nguồn xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán cổ phiếu quỹ cho Người lao động năm 2020 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:**

Nội dung theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 thông qua ngày 24/06/2020	Nội dung HĐQT điều chỉnh theo Nghị quyết HĐQT số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 30/10/2020
Phương thức xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán: được bù đắp từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất.	Phương thức xử lý chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu quỹ và giá bán: được bù đắp từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất.

- Nguyên nhân điều chỉnh: phù hợp theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ doanh nghiệp. Việc sử dụng “**Thặng dư vốn cổ phần**” để xử lý chênh lệch giá không dẫn đến sự khác biệt về **Vốn chủ sở hữu** so với phương án dùng “**Quỹ đầu tư phát triển**” để xử lý chênh lệch giá.

4. Hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Với vai trò độc lập trong hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, giúp hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đóng góp những tư vấn mang tính chiến lược và sâu sắc cho sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập luôn có những ý kiến định hướng trong hoạt động điều hành, nhằm chỉ ra những rủi ro tiềm tàng trong các quyết sách của HĐQT, góp phần hạn chế, phòng ngừa rủi ro và những nguy cơ có thể gặp phải.

5. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Với chức năng tham mưu cho HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, bao gồm Tiểu ban Chính sách Đầu tư và Phát triển, Tiểu ban Tái cấu trúc Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán và Tiểu ban Quan hệ cổ đông luôn thực hiện tốt vai trò của mình, giúp HĐQT giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.

6. Quan hệ Nhà đầu tư và nghĩa vụ với Cổ đông

Công ty luôn ý thức về trách nhiệm của một công ty niêm yết có quy mô lớn, cũng như mối quan hệ với cộng đồng nhà đầu tư. Vì lẽ đó, Thiên Long luôn đảm bảo tính công bằng, bình đẳng và hướng đến quyền lợi cao nhất của cổ đông và nhà đầu tư, bằng việc luôn minh bạch, kịp thời và chính xác trong công tác công bố thông tin. Công ty cũng chủ trương thường xuyên cập nhật quy định của pháp luật một cách kịp thời để đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài công tác công bố thông tin theo quy định, Công ty luôn tích cực trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư, cập nhật bản tin kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, tham dự và trình bày tại các hội thảo nhà đầu tư, nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin của doanh nghiệp đến rộng rãi cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trong năm 2020, Thiên Long đã trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá, đợt 3 năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá và chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá.

7. Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, bảo đảm sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Đứng trước tình hình khó khăn với một năm đầy biến động và xáo trộn về tình hình kinh tế xã hội, Ban Tổng Giám đốc đã và đang triển khai các nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, đặc biệt là việc rà soát và bám sát chiến lược phát triển của Công ty hằng năm, cũng như có định hướng phát triển mới để linh động phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp

quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

8. Trọng tâm phát triển

Nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025, Thiên Long tiếp tục tập trung vào các trọng tâm phát triển như sau:

- (1) Thực hiện chiến lược Mở rộng chuỗi giá trị.
- (2) Nâng cao năng lực sản xuất.
- (3) Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới.
- (4) Phát triển hệ thống phân phối.
- (5) Đẩy mạnh sự hiện diện trên thị trường Thế Giới.
- (6) Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo phù hợp với hoạt động kinh doanh trong giai đoạn mới.

Năm 2021, HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh như sau: Doanh thu thuần 3.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 280 tỷ đồng, Cổ tức 20%/mệnh giá.

Kế hoạch 2021 được Công ty xây dựng dựa trên giả định kịch bản học sinh đi học ổn định, thị trường hồi phục dần và trở lại bình thường. Do diễn biến khó lường của dịch bệnh, trường hợp diễn biến dịch thay đổi, Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với thực tế kinh doanh tại từng thời điểm cụ thể.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2020 và định hướng năm 2021 của HĐQT. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
CÔNG TY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: 02/2021/BC - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2020

Ban Tổng Giám đốc xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG

1. Ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa

▪ Tình hình thực hiện năm 2020

Năm 2020, Bộ phận Công nghệ của Thiên Long tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa trong toàn bộ các công đoạn của quy trình sản xuất: từ khâu ép nhựa, chiết rót, pha trộn đến khâu in ấn, lắp ráp, kiểm tra, đóng gói... Với nhiều bước tiến đột phá, tỷ lệ tự động hóa tại các nhà máy của Thiên Long đã được nâng lên 78,23% so với 77% vào cuối năm 2019. Nhờ vậy, năng suất lao động chung của Tập đoàn ngày càng được cải thiện mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, các loại nguyên vật liệu chính tiếp tục được Công ty từng bước phát triển cũng như sản xuất đại trà để chủ động hơn về chất lượng, giá thành và công nghệ sản xuất.

▪ Định hướng năm 2021

- Tiếp tục nâng cao, đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu và không ngừng cập nhật các công nghệ mới tiên tiến, áp dụng thành công vào các công đoạn sản xuất, phục vụ quá trình chủ động nguồn nguyên vật liệu chính, đa dạng hóa các sản phẩm mới và cải tiến các sản phẩm đang lưu hành.
- Tiếp tục áp dụng công nghệ để nâng cao hơn nữa tỷ lệ tự động hóa trong hoạt động sản xuất, chú trọng mục tiêu giảm nhân công, giá thành trong việc chế tạo các khuôn mới, MMTB mới cho tập đoàn và cho khách hàng, chú trọng kiểm tra, kiểm soát để tăng chất lượng sản phẩm.
- Chú trọng đầu tư nguồn nhân lực cốt lõi và tăng cường hợp tác với các chuyên gia đầu ngành trên thế giới.
- Nghiên cứu, từng bước ứng dụng số hóa vào trong sản xuất.

2. Hoạt động sản xuất mực và hóa chất

▪ Tình hình thực hiện năm 2020

Năm 2020, bên cạnh việc duy trì chất lượng và sản lượng mục đáp ứng cho nhu cầu sử dụng mục của Tập đoàn, bộ phận Công nghệ Hóa chú trọng vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đáp ứng kịp thời tình hình thay đổi của thị trường do đại dịch Covid-19 như Xà phòng tiện lợi, Gel rửa tay khô, Nguyên liệu kháng khuẩn sử dụng cho Bọc ngón tay, Grip tay cầm bút ...

▪ **Định hướng năm 2021**

Với nguồn nhân lực giỏi chuyên môn và nhiều kinh nghiệm, cùng với sự hợp tác của các chuyên gia đầu ngành, năm 2021, bộ phận công nghệ hóa tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới thuộc các lĩnh vực sau:

- Duy trì chất lượng và tăng tỉ lệ đáp ứng mục văn phòng phẩm cho hoạt động sản xuất của Thiên Long
- Tiếp tục nghiên cứu những sản phẩm mới phục vụ cho nhu cầu về an toàn, sức khỏe, tiện dụng của người tiêu dùng.
- Cải tiến chất lượng và đa dạng hóa dòng sản phẩm mỹ thuật và keo dán phục vụ cho nhu cầu sử dụng hàng ngày và nhu cầu art & craft ngày càng phát triển.
- Từng bước áp dụng nguyên vật liệu thân thiện môi trường vào các sản phẩm của Thiên Long.
- Đa dạng hóa dòng sản phẩm phục vụ cho công nghiệp

Đối với hoạt động sản xuất, với tình hình giá nguyên vật liệu hóa chất, bột màu ngày càng tăng cao, bộ phận Công nghệ hóa liên tục tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu thay thế và dự phòng nhằm ổn định sản xuất, đảm bảo giá thành và nhất là luôn đảm bảo việc đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn của Châu Âu và Mỹ cho các sản phẩm của Thiên Long.

3. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D)

▪ **Tình hình thực hiện năm 2020**

Phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, phù hợp với xu hướng và nhu cầu tiêu dùng của khách hàng, đặc biệt là người tiêu dùng trẻ, trong đó bộ phận đã thực hiện một số nhiệm vụ như:

- Đổi mới hình ảnh thiết kế, bao bì nhằm tạo sự cuốn hút đối với khách hàng.
- Tăng mức độ nhận diện thương hiệu của từng nhãn hàng thông qua thiết kế hình ảnh.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới, đa dạng hóa danh mục sản phẩm phục vụ nhiều đối tượng khách hàng thuộc các phân khúc khác nhau.

▪ **Định hướng năm 2021**

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới trọng tâm, các sản phẩm phù hợp xu hướng người tiêu dùng, tạo sự khác biệt nhằm tăng sức cạnh tranh.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan, đặc biệt với bộ phận Marketing và Kinh doanh nhằm nắm bắt chính xác thông tin, yêu cầu của thị trường về sản phẩm mới, để sản phẩm

mới được đưa ra thị trường và đến khách hàng một cách hiệu quả nhất. Đẩy mạnh các bộ sản phẩm combo, set, thay đổi hình ảnh bao bì, tăng sức thu hút của sản phẩm.

- Nghiên cứu các công nghệ mới kết hợp cùng việc tìm kiếm hợp tác với các chuyên gia đầu ngành để học hỏi ứng dụng vào phát triển sản phẩm nhằm đón đầu các xu thế phát triển của ngành văn phòng phẩm.
- Bồi dưỡng, trau dồi kỹ năng và nghiệp vụ cho đội ngũ nghiên cứu và phát triển, xây dựng nguồn nhân lực năng động, nhiệt huyết, sáng tạo, dồi dào ý tưởng.

4. Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

▪ Tình hình thực hiện năm 2020

- Thực hiện nhất quán chính sách đãi ngộ nhân tài, tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm không ngừng nâng cao trình độ cho CBCNV trong bối cảnh mới.
- Việc áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác Quản trị nhân sự vẫn được chú trọng phát triển. Ngoài phần mềm “Quản lý nhân sự” vẫn đang được áp dụng và cải tiến từng ngày thì một số phần mềm khác cũng được sử dụng như: điều xe, quản lý phòng họp, cấp phát văn phòng phẩm...
- Với việc sử dụng các giải pháp công nghệ thông tin đã giúp giảm thiểu đáng kể thời gian thực hiện các công việc bằng giấy tờ, số hóa nhiều công việc, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Công ty và Nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự, hành chính.
- Lực lượng nhân sự ngày càng tinh gọn hơn đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hoành hành.

▪ Định hướng năm 2021

- Vận hành ổn định Phần mềm Quản lý nhân sự, tích hợp với dự án “Chuyển đổi số” để vận hành ổn định hệ thống, cải tiến và sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu trong phần mềm.
- Thực hiện việc tái cấu trúc nội bộ Khối Hành chính Nhân sự tại Tập đoàn và các Công ty con theo định hướng mà Nhà tư vấn đề xuất nhằm xây dựng một đội ngũ Nhân sự chuyên nghiệp, hiệu quả, theo đó có thể đảm nhiệm được các công việc liên quan đến tái cấu trúc toàn Công ty.
- Đẩy mạnh, cải tiến đào tạo nội bộ như: Nâng cao hiệu quả đội ngũ giảng viên nội bộ, giáo trình đào tạo, nội dung đào tạo...
- Tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự phù hợp cho các Khối/Bộ phận để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cải tiến hệ thống các tiêu chí đánh giá để tạo động lực cho CBCNV, giúp hoàn thành mục tiêu Công ty, đồng thời làm căn cứ trả lương, thưởng và xây dựng lộ trình thăng tiến nghề nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ trong hoạt động nhân sự, tăng cường đào tạo trực tuyến, làm việc trực tuyến, họp trực tuyến

5. Phát triển hệ thống phân phối nội địa

▪ Tình hình thực hiện năm 2020

Thiên Long tiếp tục phát triển hệ thống phân phối:

- Tái cấu trúc hệ thống phân phối để tối ưu hóa việc quản lý, giảm chi phí, gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục phát triển và nâng cấp hệ thống nhà phân phối của kênh phân phối truyền thống (GT) và kênh hiện đại (MT) theo hướng chuyên nghiệp để đảm bảo sự tăng trưởng về sản lượng, cơ cấu cũng như doanh số.
- Triển khai nhanh các cơ cấu sản phẩm mới, đồng thời giúp việc kiểm soát chất lượng sản phẩm trên toàn hệ thống từ nhà máy đến tay người tiêu dùng ngày một tốt hơn.
- Tối ưu hóa việc áp dụng Hệ thống Quản lý Nhà phân phối (DMS) đến tất cả các nhà phân phối và khách hàng để quản trị hiệu quả và tiết kiệm chi phí, đo lường hiệu quả bán hàng và nâng cao hiệu quả bán hàng, tìm kiếm cơ hội bán hàng mới.

▪ Định hướng năm 2021

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng mới của từng nhóm đối tượng khách hàng để hỗ trợ tích cực cho việc phát triển các kênh bán hàng mới và tăng doanh số trên toàn hệ thống.
- Tiếp tục đi sâu vào việc phân phối cho hệ thống bán lẻ thông qua việc phát triển điểm bán và tăng cường chất lượng đội ngũ nhân viên bán hàng của Thiên Long tại nhà phân phối thông qua áp dụng công nghệ trong hoạt động chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục phát triển hình ảnh thương hiệu, nhãn hàng và đẩy mạnh việc hỗ trợ trên kênh bán hàng thông qua các hoạt động bảng hiệu, hộp đèn, quầy kệ, vật phẩm trưng bày, các chương trình cho hệ thống kinh doanh và người tiêu dùng cuối cùng.
- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả công nghệ để hỗ trợ công tác bán hàng, tăng hiệu suất bán hàng và nâng cao chất lượng công tác hoạch định chiến lược.
- Phát triển mạnh mẽ bán hàng trên kênh thương mại điện tử, bao gồm trang thương mại điện tử FlexOffice.com của Tập đoàn Thiên Long và các sàn thương mại điện tử lớn nhất Việt Nam: Shopee, Tiki, Sendo, Lazada.
- Đẩy mạnh việc bán hàng trên kênh B2B doanh nghiệp và B2B trường học.

6. Phục hồi hoạt động xuất khẩu trong tình hình khó khăn chung của kinh tế toàn cầu giữa đại dịch

▪ Tình hình thực hiện năm 2020

- Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp, mang tới nhiều trở ngại và khó khăn chưa từng có khi các nền kinh tế toàn cầu đều chuyển sang chế độ ngừng hoạt động trong phần lớn năm 2020. Mặc dù gặp nhiều thách thức nhưng bộ phận Phát triển kinh doanh quốc tế đã tìm mọi cách để hạn chế những rủi ro và đạt được mức doanh thu 491 tỷ đồng, giảm gần 4% so với năm 2019. Bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch trong năm qua là các thị trường xuất khẩu chính của công ty như: Philippines, Myanmar, Indonesia cũng như các thị trường Đông Nam Á khác. Hoạt động phát triển thị trường của công ty ở những thị trường xuất khẩu mới mở như Trung Đông cũng bị đình trệ.
- Đối phó với sự giãn cách xã hội kéo dài ở nhiều quốc gia, bộ phận tiếp tục tăng tương tác với người tiêu dùng bằng cách tăng sự hiện diện trực tuyến và bắt đầu các hoạt động phát trực tiếp (livestream) đầu tiên của Công ty trong năm 2020 tại Philippines cũng như Myanmar. Tham gia hội chợ thực tế ảo Paperworld Dubai 2020 với nỗ lực duy trì cơ hội gặp gỡ khách hàng tiềm năng.

▪ **Định hướng năm 2021**

- củng cố và phát triển thương hiệu tại các thị trường Đông Nam Á như Philippines, Myanmar, Thái Lan và Indonesia.
- Thu hút người dùng mới bằng cách phát triển các sản phẩm mới dựa trên nhu cầu của người tiêu dùng.
- Tập trung mạnh mẽ vào các hoạt động kích hoạt trực tuyến - đa dạng hóa & tăng cường điểm bán hàng trực tuyến đồng thời duy trì thông điệp thương hiệu nhất quán.
- Sử dụng các công cụ dựa trên điện toán đám mây để tăng hiệu quả trong việc triển khai nhân sự tại địa phương ở các quốc gia.
- Tập trung phát triển khách hàng và đơn hàng OEM.

7. Marketing và quảng bá

▪ **Tình hình thực hiện năm 2020**

Giữa tâm bão Covid-19, Tập đoàn Thiên Long vẫn luôn chủ động, linh hoạt và vững tâm giữa dòng sóng dữ.

- (1) Thiên Long triển khai chương trình “Ở nhà làm gì vui?” với mục đích trấn an người tiêu dùng và mang đến niềm vui được mua hàng giảm giá tại nhà.
- (2) Hàng loạt các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, kích cầu người tiêu dùng liên tục được tung ra để tạo không khí và cơ hội bán hàng trong thời gian dịch bệnh.
- (3) Chương trình “Học kỳ đặc biệt” với 8 lớp học thông qua hình thức livestream trên mạng xã hội Facebook. Các nội dung này đã giúp các bé duy trì được hứng thú học tập, chủ động ôn luyện văn hay, vẽ đẹp, chữ tốt trong đợt nghỉ.

- (4) Thiên Long cùng Hội đồng đội Trung Ương tổ chức cuộc thi vẽ tranh dành cho thiếu nhi với chủ đề “Bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch Covid-19” và chương trình “Nét chữ từ trái tim” nhằm khuyến khích tinh thần chống dịch, bảo vệ sức khỏe.
- (5) Các nhóm sản phẩm mới, nhóm sản phẩm an toàn, bảo vệ sức khỏe, tiết kiệm và thân thiện với môi trường được Thiên Long tập trung phát triển để phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới – giúp điểm bán đón đầu và gia tăng cơ hội kinh doanh mới.
- (6) Đội ngũ Thiên Long đến từng điểm bán, từng cửa hàng để thiết kế, lắp đặt hệ thống quầy kệ, bảng hiệu, chuẩn bị sẵn sàng triển khai các hoạt động bán hàng mới ngay sau khi dịch được kiểm soát.

Ngay khi dịch bệnh được kiểm soát, một loạt chương trình kích cầu, hỗ trợ bán hàng được Thiên Long đẩy mạnh triển khai.

- (1) Combo giảm giá cho người tiêu dùng được thực hiện rộng rãi, đồng loạt trên toàn quốc.
- (2) Chương trình kích thích bán hàng phục vụ mùa thi học kỳ 2 – mua sản phẩm được tặng gồm kháng khuẩn.
- (3) Hàng triệu sticker "an toàn học đường" đã được tặng cho người tiêu dùng, hoạt động này nhận được nhiều cảm tình của nhiều bạn nhỏ và phụ huynh.
- (4) Triển khai quảng bá video ca nhạc ĐƯỢC ĐI HỌC RỒI, SẴN SÀNG HỌC VUI, tạo hứng khởi cho học sinh ngày trở lại trường.
- (5) Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ quý khách hàng đại lý thay đổi bảng hiệu, lắp đặt quầy kệ mới, mở rộng không gian bán hàng.

Sau đại dịch, 11 hoạt động hỗ trợ bán hàng trọng điểm kích thích tăng trưởng doanh số.

- (1) Phát hành voucher ưu đãi cho học sinh mua hàng dịp hè và năm học mới để kích thích người tiêu dùng đến các điểm bán chọn mua trên toàn quốc.
- (2) Ra mắt bộ sản phẩm Điểm 10 ưu đãi mùa tựu trường.
- (3) Tổ chức các hoạt động hoạt náo để kích hoạt bán hàng ở các điểm bán lớn trên cả nước.
- (4) Áp dụng trên toàn quốc chương trình Đập hộp Flexio – Trúng Iphone Pro dành cho khách hàng khi mua Flexio Fx590VN, Fx680VN với xác suất trúng thưởng lên đến 100%.
- (5) Triển khai mạnh mẽ chiến dịch truyền thông & hỗ trợ bán hàng “Colokit Vitamin mới” giúp trẻ em học vui hơn, sáng tạo hơn.
- (6) Tung COMBO TIẾP SỨC TRI THỨC và hàng chục nghìn voucher học online nhằm kích thích khách hàng mua sản phẩm theo bộ.
- (7) Bố trí đội ngũ nhân sự trực tiếp giới thiệu sản phẩm tại các điểm bán MT, GT trong mùa thi, mùa tựu trường, Ngày Nhà giáo Việt Nam.

- (8) Ra mắt sản phẩm bút sáp màu phiên bản phim Doraemon 2020 cùng hàng loạt ưu đãi đi kèm.
- (9) Đẩy mạnh đầu tư quảng bá cho các sản phẩm tiềm năng, và thế hệ sản phẩm Thiên Long mới "Eco Friendly" - sản phẩm thân thiện với môi trường.
- (10) Hợp tác với VTV7, Báo Thanh Niên chương trình quảng bá sản phẩm máy tính Flexio giúp tạo dựng niềm tin của khách hàng mục tiêu đối với sản phẩm, gia tăng cơ hội bán hàng cho Quý khách hàng đại lý.
- (11) Đẩy mạnh chiến dịch “FIGHTING! TỰ TIN THI TỐT NHÉ!” với bộ sản phẩm mùa thi cho các sĩ tử trong chương trình Tiếp Sức Mùa Thi 2020.

▪ **Định hướng năm 2021**

Năm 2021, hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm và thương hiệu sẽ tiến đến hoạt động Thiên Long 40 năm tuổi:

- Triển khai hệ thống quầy kệ chuyên nghiệp trên toàn quốc cũng như thiết kế quầy kệ trưng bày chuyên biệt cho từng sản phẩm chủ lực của ngành hàng. Chuyên nghiệp hóa và đồng bộ hình ảnh nhãn hàng tại điểm bán.
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi cho người tiêu dùng cuối nhằm tạo lực hút doanh số, kích thích người tiêu dùng mua sản phẩm. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các sản phẩm mới, các sản phẩm chiến lược trên các kênh truyền thông, kênh bán hàng nhằm giới thiệu rộng rãi sản phẩm đến người tiêu dùng, kích thích tăng trưởng doanh số.
- Tập trung thực hiện truyền thông, quảng cáo, tạo tăng trưởng đến một số sản phẩm, ngành hàng mục tiêu như hồ khô, máy tính khoa học, bút máy...đồng thời mở rộng ngành hàng sang các nhu cầu khác của người tiêu dùng – Các sản phẩm văn phòng phẩm sử dụng trong gia đình.
- Xây dựng & phát triển quy trình tạo ra sản phẩm mới một cách chuyên nghiệp hơn từ khâu ý tưởng cho đến tay người tiêu dùng. Theo đó, bộ phận Tiếp thị sẽ tái cấu trúc lại hệ thống nhân sự để hiện thực hóa mục tiêu.
- Bên cạnh việc quảng bá nhãn hiệu, sản phẩm, Thiên Long sẽ khai thác thêm các mùa vụ bán hàng khác trong năm và tiến hành thu bán hàng từ các hoạt động, chương trình vì cộng đồng như Tiếp sức mùa thi, Chia sẻ cùng thầy cô, Vì mái trường xanh, Ngày hội sắc màu, Yêu chữ Việt...
- Xây dựng nền tảng hoạt động sang chuyển đổi số nhằm nắm bắt cơ hội cũng như dự đoán trước những rủi ro thị trường để xây dựng các chương trình Marketing phù hợp, mang tính đột phá và tiên phong.
- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ và toàn xã hội với các hoạt động hướng đến kỷ niệm Thiên Long 40 năm tuổi.

8. Chuyển đổi số và công nghệ thông tin

Năm 2021, TLG tập trung triển khai kế hoạch Chuyển đổi số và Công nghệ thông tin như sau:

- Xây dựng lộ trình Chuyển đổi số bao gồm toàn bộ chuỗi giá trị của Tập đoàn (Kế hoạch kinh doanh; Phát triển sản phẩm; Cung ứng nguyên vật liệu; Sản xuất; Lưu kho; Bán hàng và phân phối; Hậu mãi).
- Xây dựng lộ trình chuyển đổi hạ tầng, an toàn thông tin, hệ thống lõi, vận hành CNTT,... để đảm bảo nền tảng số hỗ trợ tốt nhất cho lộ trình chuyển đổi số.
- Chuyển đổi nguồn lực con người, nâng cao nhận thức của CB-CNV về chuyển đổi số thông qua các hoạt động truyền thông, đào tạo, workshop thúc đẩy sự thay đổi, sáng tạo.
- Phân tích tính thực tiễn các dự án số (sáng kiến số), đề xuất công nghệ phù hợp, xác định rõ KPIs cần đạt được của từng sáng kiến số, và tính toán ROI, đề xuất lộ trình triển khai mang tính hệ thống kết nối và toàn diện.

B. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Quý cổ đông vui lòng tham khảo tại phần trích dẫn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2020 đính kèm.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐÌNH TÂM

TP HCM, ngày 11 Tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG NĂM TÀI CHÍNH 2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Tập đoàn Thiên Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan tới quá trình hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Nay, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội kết quả hoạt động trong năm 2020 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát (BKS) gồm ba thành viên:

Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Trưởng Ban
Bà Tạ Hồng Diệp	Thành viên
Ông Đinh Đức Hậu	Thành viên.
- Trong năm BKS đã tiến hành các cuộc họp định kỳ với các thành viên nhằm cập nhật thông tin, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động trong năm theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình, với các nội dung công việc chính như sau:
 - o Thực hiện giám sát công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc tuân thủ Điều lệ, việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Quy định của Pháp luật có liên quan.
 - o Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm.

- o Thường xuyên phối hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành các hoạt động kiểm tra tại một số bộ phận/phòng ban trong Công ty và Các Công ty con về việc tuân thủ các thủ tục, quy trình, quy định của Công ty, kiểm tra tính hiện hữu, hợp lý của các khoản mục chi phí.

II. Kết quả giám sát hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2020

Ban Kiểm soát ghi nhận các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam được phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành.

Việc trích lập các quỹ, chi thưởng vượt KH lợi nhuận, các khoản thù lao đã được thực hiện đúng theo các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Trong năm 2020, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 và đợt 3 năm 2019 cho Cổ đông với tỷ lệ 10% mệnh giá bằng tiền mặt theo đúng với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%. Trong năm Công ty cũng đã tiến hành mua lại 1.500.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân (đã bao gồm phí) là 30.874 đồng/cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và cũng đã phát hành cổ phiếu quỹ này cho Người lao động trong Công ty theo đúng quy chế chương trình bán cổ phiếu quỹ cho người lao động năm 2020.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động SXKD của Công ty bị giảm sút nhiều so với năm trước, với kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.684,6 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- LNST đạt 239,8 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch đề ra.

Tình hình tài chính hợp nhất đến 31/12/2020, với các số liệu chính như sau:

Tổng tài sản : 2.314,6 tỷ, trong đó:

- ✓ Tài sản ngắn hạn: 1.701,8 tỷ

✓ Tài sản dài hạn: 612.8 tỷ

Cơ cấu nợ của Công ty:

1. Nợ phải trả là 566,3 tỷ (Giảm 7% so với 2019), gồm:

- Nợ ngắn hạn : 499,6 tỷ
- Nợ dài hạn : 66,8 tỷ

2. Vốn Chủ sở hữu: 1.748,3 tỷ

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban TGD

Hội đồng Quản trị và Ban TGD Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD, cũng như phù hợp với Điều lệ Công ty và các nội dung Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT luôn theo sát và hỗ trợ Ban TGD trong công tác điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Ban TGD và Các Cấp quản lý đã làm tốt công việc của mình, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo đúng các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ giao phó.

Việc công bố thông tin đến Cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các Cán bộ quản lý khác:

HĐQT, Ban TGD và BKS Thường xuyên trao đổi, chia sẻ thông tin, cập nhật tình hình hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban TGD đã luôn hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình. Các tài liệu, báo cáo được cung cấp đúng thời hạn.

BKS luôn cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp giữa HĐQT và Ban TGD khi được mời.

IV. Kết luận và kiến nghị của BKS

Từ các đánh giá về hoạt động và kết quả tài chính năm 2020 của Công ty, BKS kính đề nghị Đại hội thông qua các nội dung báo cáo về tình hình hoạt động trong năm 2020 vừa được HĐQT và Ban TGD trình bày trước Đại hội.

Với những khó khăn và thách thức tất yếu sẽ đến trong thời gian tới, và với tâm thế quyết tâm chuyển đổi, thay đổi để đón đầu xu hướng mới, theo kịp thời đại nhằm đạt được kế hoạch đề ra thì việc kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả công việc là yếu tố mà Công ty cần tập trung, cụ thể:

- Khẩn trương xây dựng các tiêu chuẩn về quản trị tài chính, nhằm tránh, giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh, giúp kiểm soát tốt các hoạt động.
- Hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình nội bộ liên quan đến tất cả các hoạt động trong mô hình, cơ cấu mới của Công ty.
- Củng cố và xây dựng đội ngũ nhân sự đủ tầm, năng động và có tâm, sẵn sàng giao trách nhiệm, quyền hạn với môi trường làm việc sáng tạo, thân thiện và hiện đại.
- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, chi phí ở các Bộ phận/Phòng ban/ Công ty con, cần có biện pháp và kế hoạch cụ thể hơn nhằm giảm các chỉ tiêu về nợ phải thu, hàng tồn kho nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Trên đây là những nội dung báo cáo của BKS xin được trình bày trước ĐH. Xin cảm ơn và xin chúc Quý vị cổ đông và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào.

BAN KIỂM SOÁT



Số: 01/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trích dẫn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2020 (đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

CÔ GIA THỌ



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1-2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10-46



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Số 6307210814 ngày 6 tháng 12 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp có thời hạn hoạt động đến ngày 17 tháng 6 năm 2047.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0301464830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 18 ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch (đến ngày 24/06/2020)
Ông Trần Lê Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên
Ông Tayfun Uner	Thành viên
Ông Phạm Tri Nguyên	Thành viên (từ ngày 24/06/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Trưởng ban
Ông Đinh Đức Hậu	Thành viên
Bà Tạ Hồng Diệp	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Trương Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Teo Hwee Beng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/10/2020)
Bà Trần Phương Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/10/2020)

Cán bộ quản lý khác

Ông Nguyễn Ngọc Nhơn	Kế Toán trưởng
Ông Đinh Quang Hùng	Giám đốc Sản xuất
Ông Phạm Hữu Chí	Giám đốc Thiết kế và Phát triển Sản phẩm
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Giám đốc Công nghệ Thông tin
Ông Diệp Bảo Tịnh	Giám đốc Công nghệ
Ông Trịnh Văn Hào	Giám đốc Tiếp thị
Bà Huỳnh Ngọc Bảo Thi	Giám đốc Công nghệ hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Cô Gia Thọ

Chủ tịch

Trụ sở chính

Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 46. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Đình Tâm
Chữ ký được ủy quyền
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Báo cáo kiểm toán số HCM10511
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.701.751.836.942	1.830.894.396.372
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	371.680.211.939	190.855.576.577
111	Tiền		152.680.211.939	99.855.576.577
112	Các khoản tương đương tiền		219.000.000.000	91.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		372.000.000.000	466.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	372.000.000.000	466.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		415.009.507.750	581.476.470.866
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	386.750.747.429	540.254.253.737
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16.500.972.908	18.195.133.300
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	11.926.026.574	23.941.767.031
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(168.239.161)	(914.683.202)
140	Hàng tồn kho	8	530.224.405.469	582.361.530.894
141	Hàng tồn kho		554.826.392.930	611.220.729.006
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(24.601.987.461)	(28.859.198.112)
150	Tài sản ngắn hạn khác		12.837.711.784	10.200.818.035
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	12.713.482.192	7.897.754.885
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		109.174.138	2.288.007.696
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		15.055.454	15.055.454
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		612.847.304.820	586.009.531.603
210	Các khoản phải thu dài hạn		4.636.517.123	3.084.864.613
216	Phải thu dài hạn khác		4.636.517.123	3.084.864.613
220	Tài sản cố định		463.588.241.667	464.236.995.775
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	438.944.610.201	434.775.531.550
222	Nguyên giá		990.029.869.959	916.525.121.861
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(551.085.259.758)	(481.749.590.311)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	24.643.631.466	29.461.464.225
228	Nguyên giá		67.792.297.411	67.432.574.911
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(43.148.665.945)	(37.971.110.686)
240	Tài sản dở dang dài hạn		13.434.075.449	26.712.919.979
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	13.434.075.449	26.712.919.979
250	Đầu tư tài chính dài hạn		21.942.320.000	21.092.112.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	30.685.000.000	30.685.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(8.742.680.000)	(9.592.888.000)
260	Tài sản dài hạn khác		109.246.150.581	70.882.639.236
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	80.297.126.389	39.582.025.338
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	28.949.024.192	31.300.613.898
270	TỔNG TÀI SẢN		2.314.599.141.762	2.416.903.927.975

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		566.339.505.472	609.917.056.329
310	Nợ ngắn hạn		499.556.492.085	554.653.680.656
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	113.224.556.606	181.300.286.706
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.686.687.740	2.570.299.065
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	18.846.224.521	31.734.854.675
314	Phải trả người lao động		23.820.358.291	25.924.624.973
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	93.748.732.179	96.724.794.495
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	90.142.614.189	9.028.740.183
320	Vay ngắn hạn	17(a)	147.248.648.694	195.113.477.671
322	Quý khen thưởng, phúc lợi	24	5.838.669.865	12.256.602.888
330	Nợ dài hạn		66.783.013.387	55.263.375.673
338	Vay dài hạn	17(b)	31.807.692.298	25.846.153.842
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	34.975.321.089	29.417.221.831
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.748.259.636.290	1.806.986.871.646
410	Vốn chủ sở hữu		1.748.259.636.290	1.806.986.871.646
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	777.944.530.000	777.944.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		777.944.530.000	777.944.530.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	361.633.483.771	392.944.802.300
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21	92.630.401	-
418	Quý đầu tư phát triển	21	199.910.168.556	158.019.722.556
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	408.678.823.562	478.077.816.790
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		330.722.692.813	233.121.320.737
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		77.956.130.749	244.956.496.053
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.314.599.141.762	2.416.903.927.975



Đào Xuân Nam
Người lập



Nguyễn Ngọc Nhơn
Kế toán trưởng

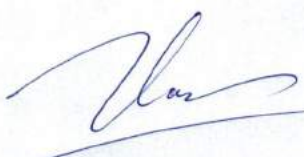


Nguyễn Đình Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

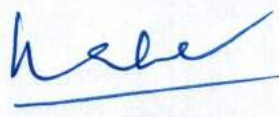
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng	2.738.400.566.048	3.298.710.950.005
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(53.848.615.712)	(46.229.433.953)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	28 2.684.551.950.336	3.252.481.516.052
11	Giá vốn hàng bán	29 (1.654.810.794.517)	(2.054.990.358.755)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.029.741.155.819	1.197.491.157.297
21	Doanh thu hoạt động tài chính	30 26.526.594.813	29.972.019.720
22	Chi phí tài chính	31 (15.968.918.896)	(14.334.036.161)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	31 (11.853.821.706)	(11.434.553.822)
25	Chi phí bán hàng	32 (488.676.448.608)	(500.044.195.759)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33 (254.856.941.468)	(285.140.218.494)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	296.765.441.660	427.944.726.603
31	Thu nhập khác	8.799.926.472	9.723.383.622
32	Chi phí khác	(1.927.894.452)	(817.351.647)
40	Lợi nhuận khác	34 6.872.032.020	8.906.031.975
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	303.637.473.680	436.850.758.578
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	35 (61.440.847.225)	(94.012.038.665)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	35 (2.351.589.706)	6.248.329.163
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	239.845.036.749	349.087.049.076
61	Phân bổ cho: Cổ đông của Công ty	239.845.036.749	349.087.049.076
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25(a) 2.775	4.084
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25(b) 2.775	4.084



Đào Xuân Nam
Người lập



Nguyễn Ngọc Nhơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	303.637.473.680	436.850.758.578
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	80.427.015.086	77.552.153.082
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng	(9.843.622.423)	8.626.055.304
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31 284.619.586	16.650.960
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	30,34 (22.385.207.920)	(57.340.235.185)
06	Chi phí lãi vay	31 11.853.821.706	11.434.553.822
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	363.974.099.715	477.139.936.561
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	163.476.604.891	(226.056.564.034)
10	Giảm hàng tồn kho	56.523.700.153	92.205.148.534
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(60.624.667.853)	66.510.228.951
12	Tăng chi phí trả trước	(33.310.311.486)	(12.229.001.807)
14	Tiền lãi vay đã trả	(12.125.598.196)	(11.425.842.447)
15	Thuế TNDN đã nộp	14 (67.079.096.806)	(87.578.360.119)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(42.265.374.888)	(40.396.702.157)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	368.569.355.530	258.168.843.482
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(85.086.927.060)	(84.540.730.238)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.020.459.916	96.605.895.895
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(464.500.000.000)	(619.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	558.500.000.000	153.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và lợi nhuận được chia	28.851.374.215	11.134.804.294
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	38.784.907.071	(442.800.030.049)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	20(c) 15.000.000.000	414.663.619.300
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	20(c) (46.311.318.529)	-
33	Tiền thu đi vay	694.739.377.675	631.294.976.475
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(736.642.668.196)	(632.495.287.408)
36	Tiền chi trả cổ tức	(153.373.200.000)	(183.880.080.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(226.587.809.050)	229.583.228.017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	180.766.453.551	44.952.041.450
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 190.855.576.577	145.861.230.396
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	58.181.811	42.304.731
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 371.680.211.939	190.855.576.577

Các thông tin bổ sung liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 38.

Đào Xuân Nam
Người lập

Nguyễn Ngọc Nhơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1-2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10-45



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Số 6307210814 ngày 6 tháng 12 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp có thời hạn hoạt động đến ngày 17 tháng 6 năm 2047.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0301464830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 18 ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch (đến ngày 24/06/2020)
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên
Ông Tayfun Uner	Thành viên
Ông Phạm Tri Nguyên	Thành viên (từ ngày 24/06/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Trưởng ban
Ông Đinh Đức Hậu	Thành viên
Bà Tạ Hồng Diệp	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Trương Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Huống	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Teo Hwee Beng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/10/2020)
Bà Trần Phương Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/10/2020)

Cán bộ quản lý khác

Ông Nguyễn Ngọc Nhơn	Kế toán trưởng
Ông Đinh Quang Hùng	Giám đốc Sản xuất
Ông Phạm Hữu Chí	Giám đốc Thiết kế và Phát triển sản phẩm
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Giám đốc Công nghệ thông tin
Ông Diệp Bảo Tịnh	Giám đốc Công nghệ
Ông Trịnh Văn Hào	Giám đốc Tiếp thị
Bà Huỳnh Ngọc Bảo Thi	Giám đốc Công nghệ hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Cô Gia Thọ

Chủ tịch

Trụ sở chính

Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 6 đến trang 45. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Tâm
Chữ ký được ủy quyền
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2018-006-1

Báo cáo kiểm toán số HCM10510
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.103.635.395.472	1.181.077.565.545
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	188.887.911.614	95.182.150.747
111	Tiền		39.887.911.614	35.182.150.747
112	Các khoản tương đương tiền		149.000.000.000	60.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		371.000.000.000	455.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	371.000.000.000	455.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		347.064.708.819	399.943.282.836
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	335.921.716.604	379.453.325.099
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.549.537.276	4.583.637.847
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	8.593.454.939	15.906.319.890
140	Hàng tồn kho	8	193.550.196.844	224.360.492.399
141	Hàng tồn kho		210.804.351.343	244.131.127.790
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.254.154.499)	(19.770.635.391)
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.132.578.195	6.591.639.563
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	3.082.065.299	5.336.533.074
152	Thuế GTGT được khấu trừ		50.512.896	1.255.106.489
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		756.191.963.258	793.473.537.123
210	Các khoản phải thu dài hạn		974.197.328	982.197.328
216	Phải thu dài hạn khác		974.197.328	982.197.328
220	Tài sản cố định		277.402.468.250	300.934.545.660
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	260.618.108.738	279.673.183.462
222	Nguyên giá		630.011.343.568	609.545.103.709
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(369.393.234.830)	(329.871.920.247)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	16.784.359.512	21.261.362.198
228	Nguyên giá		56.444.177.475	56.186.334.975
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(39.659.817.963)	(34.924.972.777)
240	Tài sản dở dang dài hạn		9.683.872.726	15.343.777.869
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.683.872.726	15.343.777.869
250	Đầu tư tài chính dài hạn		453.224.125.002	457.535.411.000
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	441.061.033.000	436.443.299.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	30.685.000.000	30.685.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(18.521.907.998)	(9.592.888.000)
260	Tài sản dài hạn khác		14.907.299.952	18.677.605.266
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	6.444.039.156	8.591.789.315
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	8.463.260.796	10.085.815.951
270	TỔNG TÀI SẢN		1.859.827.358.730	1.974.551.102.668

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

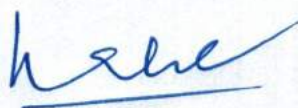
Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		350.444.037.458	396.307.363.904
310	Nợ ngắn hạn		314.539.903.071	347.280.554.231
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	61.206.028.095	127.701.152.292
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		724.001.863	1.717.101.219
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11.010.735.080	19.378.215.706
314	Phải trả người lao động		9.012.260.500	10.279.436.227
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	36.113.689.505	37.934.959.235
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	82.785.936.892	4.826.713.390
320	Vay ngắn hạn	16(a)	107.848.581.271	133.192.700.274
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	5.838.669.865	12.250.275.888
330	Nợ dài hạn		35.904.134.387	49.026.809.673
338	Vay dài hạn	16(b)	15.507.692.298	25.846.153.842
342	Dự phòng phải trả dài hạn	17	20.396.442.089	23.180.655.831
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.509.383.321.272	1.578.243.738.764
410	Vốn chủ sở hữu		1.509.383.321.272	1.578.243.738.764
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	777.944.530.000	777.944.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		777.944.530.000	777.944.530.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	361.633.483.771	392.944.802.300
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	199.910.168.556	158.019.722.556
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	169.895.138.945	249.334.683.908
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		101.979.559.931	1.756.596.159
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		67.915.579.014	247.578.087.749
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.859.827.358.730	1.974.551.102.668



Đào Xuân Nam
Người lập



Nguyễn Ngọc Nhon
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

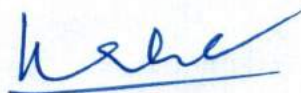
Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng	1.218.831.381.120	1.552.890.373.261
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(29.606.245.522)	(7.881.176.843)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	1.189.225.135.598	1.545.009.196.418
11	Giá vốn hàng bán	(751.535.358.828)	(972.166.203.965)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	437.689.776.770	572.842.992.453
21	Doanh thu hoạt động tài chính	92.730.007.490	147.756.382.062
22	Chi phí tài chính	(19.268.754.354)	(7.390.818.227)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(8.025.135.335)	(6.810.048.759)
25	Chi phí bán hàng	(84.945.486.542)	(127.546.648.440)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(160.694.109.888)	(180.149.563.024)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	265.511.433.476	405.512.344.824
31	Thu nhập khác	5.568.027.523	4.936.029.476
32	Chi phí khác	(270.238.793)	(13.438.927)
40	Lợi nhuận khác	5.297.788.730	4.922.590.549
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	270.809.222.206	410.434.935.373
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(39.382.182.037)	(59.752.004.007)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.622.555.155)	1.025.709.406
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	229.804.485.014	351.708.640.772



Đào Xuân Nam
Người lập



Nguyễn Ngọc Nhơn
Kê toán trưởng



Nguyễn Đình Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	270.809.222.206	410.434.935.373
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	50.099.274.064	48.401.782.932
03	Các khoản dự phòng	3.628.325.364	5.068.164.429
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28	30.591.878
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	27,31	(176.084.758.297)
06	Chi phí lãi vay	28	6.810.048.759
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	242.214.508.538	294.660.765.074
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	46.278.871.756	(94.015.305.826)
10	Giảm hàng tồn kho	33.456.140.524	90.986.205.242
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(70.996.542.819)	59.221.190.108
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	6.431.187.204	(167.931.811)
14	Tiền lãi vay đã trả	(8.284.411.916)	(6.779.914.506)
15	Thuế TNDN đã nộp	13	(54.383.165.834)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(42.265.374.888)	(40.375.256.157)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	162.668.138.180	249.146.586.290
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(25.386.793.201)	(49.181.674.744)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	437.590.909	95.728.545.908
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(464.500.000.000)	(608.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	548.500.000.000	153.000.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(4.617.734.000)	(236.943.299.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và lợi nhuận được chia	96.990.117.556	130.890.761.403
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	151.423.181.264	(514.505.666.433)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	19(c)	414.663.619.300
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	19(c)	-
33	Tiền thu từ vay	413.283.526.881	375.723.452.207
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(448.966.107.428)	(358.635.447.015)
36	Tiền cổ tức đã trả	22	(183.880.080.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(220.367.099.076)	247.871.544.142
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	93.724.220.368	(17.487.536.001)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	112.647.434.664
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(18.459.501)	22.252.084
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	95.182.150.747

Các thông tin bổ sung liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 34.

Đào Xuân Nam
Người lập

Nguyễn Ngọc Nhơn
Kê toán trưởng

Nguyễn Đình Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



Số: 02/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Số tiền <i>Đơn vị tính: ngàn VNĐ</i>
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	239.845.037
- Cổ tức bằng tiền năm 2020 (20%/mệnh giá)	155.588.906
- Quỹ đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	28.781.404
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế)	23.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Hội đồng Quản trị	1.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Ban Điều hành và CB-CNV	7.938.015
- Thù lao và chi phí của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	7.800.000
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	13.767.704

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
CÔ GIA THỌ



Số: 03/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1) Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021:

- Doanh thu thuần : 3.000 tỷ đồng
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế : 280 tỷ đồng

2) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

- Cổ tức năm 2021 : dự kiến 20%/mệnh giá
- Trích Quỹ đầu tư phát triển : 12% từ lợi nhuận sau thuế
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10% từ lợi nhuận sau thuế
- Thù lao và chi phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát : 9,5 tỷ đồng/năm.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được thay đổi hoặc điều chỉnh Kế hoạch nêu trên theo tình hình thực tế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
CÔ GIA THỌ



Số: 04/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: *Phê duyệt đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Kính thưa Đại hội,

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2021 như sau:

- Lựa chọn một (1) trong ba (3) Công ty Kiểm toán có tên dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty gồm:
 1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
 2. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
 3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cụ thể.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Bích Ngà



Số: 05/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của CTCP Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Tài liệu kèm theo:

- Điều lệ;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
CÔ GIA THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Địa chỉ: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3750 5555

Fax: (84-28) 3750 5577

Email: info@thienlonggroup.com

Website: www.thienlonggroup.com

DỰ THẢO



SỨC MẠNH TRI THỨC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi lần thứ 23)

TP. HCM, ngày 11 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
Điều 1: Giải thích thuật ngữ.....	2
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 3: Mục tiêu của Công ty.....	3
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	5
Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần.....	5
Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9: Thu hồi cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ	8
Điều 11: Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12: Nghĩa vụ của các cổ đông	10
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ.....	12
Điều 15: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	13
Điều 16: Thay đổi các quyền	14
Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ	15
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	16
Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	16
Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	18

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	18
Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ	20
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 24 : Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	20
Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	22
Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT.	24
Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC VỊ TRÍ CHỦ CHỐT KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	28
Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 29: Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác	28
Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành.....	29
Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty.....	30
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC VỊ TRÍ CHỦ CHỐT KHÁC	31
Điều 32: Trách nhiệm cần trọng.....	31
Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 34: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	32
X. BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 35: Thành viên Ban Kiểm soát.....	33
Điều 36: Ban Kiểm soát	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 37 : Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	36
Điều 38: Công nhân viên và công đoàn	36
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	36
Điều 39: Phân phối lợi nhuận.....	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	37
Điều 40: Tài khoản ngân hàng	37

Điều 41: Trích lập các Quỹ	37
Điều 42: Năm tài chính	37
Điều 43: Chế độ Kế toán.....	38
XV. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	38
Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	38
Điều 45: Kiểm toán	38
XVII. CON DẤU	39
Điều 46: Quản lý, sử dụng và lưu trữ con dấu.....	39
XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY	39
Điều 47: Giải thẻ Công ty	39
Điều 48: Thanh lý.....	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 50: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 51: Ngày hiệu lực.....	41
Điều 52: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (dưới đây gọi là "**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long, là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ này, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, và các quy định của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 11 tháng 06 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. **“Công ty”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;
 - b. **“Cổ đông”** có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm gần nhất Công ty chốt danh sách cổ đông tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
 - c. **“ĐHĐCĐ”** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông Công ty - là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - d. **“Doanh nghiệp liên kết”**: đối với một chủ thể nào, là bất cứ một doanh nghiệp nào được kiểm soát một cách trực tiếp hay gián tiếp bởi chủ thể đó, hoặc một doanh nghiệp nào trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát chủ thể đó. Việc “kiểm soát” bao gồm một trong các trường hợp sau: quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con (theo định nghĩa tại Luật Doanh nghiệp), nắm giữ trên 50% số vốn góp, chi phối hoạt động của HĐQT hay Ban Tổng Giám đốc, hay các biện pháp tương đương;
 - e. **“HĐQT”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
 - f. **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện hoặc dự kiến thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;
 - g. **“Vốn Điều lệ”** có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - h. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - i. **“Ngày thành lập”** là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu;
 - j. **“Pháp luật”** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm;
 - k. **“Cán bộ Quản lý”** có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Phó Tổng Giám đốc;
 - l. **“Thành viên HĐQT không điều hành”** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc Điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những vị trí chủ chốt khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - m. **“Thành viên độc lập HĐQT”** (sau đây gọi là thành viên độc lập) có nghĩa là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;
 - n. **“Những người liên quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
 - o. **“Thời hạn”** có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được ĐHĐCĐ Công ty thống nhất thông qua bằng một nghị quyết;

- p. “**Tỷ lệ nắm giữ**” có nghĩa là tỷ lệ nắm giữ cổ phần tương ứng của một cổ đông trong Công ty và được tính bằng tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết mà mỗi cổ đông nắm giữ chia cho tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty;
 - q. “**Cổ tức**” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần mà cổ đông sở hữu;
 - r. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là “**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**”
Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là “**THIEN LONG GROUP CORPORATION**”
Tên gọi tắt của Công ty là “**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**”
2. Công ty là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
Địa chỉ : Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM.
Điện thoại : (84 - 28) 3750 5555
Fax : (84 - 28) 3750 5577
E-mail : info@thienlonggroup.com
Website : www.thienlonggroup.com
4. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch v.v... tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 47, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	In ấn. <i>Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty.</i>	1811
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng.</i>	3290
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.</i>	4649
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.</i>	4659
5	Sản xuất máy chuyên dụng khác. <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau.</i>	2829
6	Sản xuất đồ chơi, trò chơi.	3240
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bột lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.</i>	4669
9	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính).	2817

10	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển. <i>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.</i>	2651
----	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------

2. Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép, đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 777.944.530.000 VNĐ (Bảy trăm bảy mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) được chia thành 77.794.453 (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi ba) cổ phần. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 đồng.
2. Công ty chỉ có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ bằng nghị quyết và phù hợp với các quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
4. Vốn Điều lệ không được dùng để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định thu hẹp quy mô sản xuất và giảm Vốn Điều lệ sau khi đáp ứng các điều kiện theo luật định.
5. Pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty và trở thành cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp

thuận khác.

7. Cổ đông có quyền biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
8. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 7 Điều này với giá thị trường hoặc giá do HĐQT quyết định trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí định giá sẽ do cổ đông thanh toán.
9. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
 - HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
 - HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
 - Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên;
 - Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Cách thức lập quỹ cổ phiếu do HĐQT quyết định;
 - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình dẫn đến số lượng cổ phiếu quỹ đạt tới 25% trở lên trong tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty, Công ty phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán.
10. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi có phê chuẩn của ĐHĐCĐ, Công ty có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
11. Công ty có thể phát hành và chào bán cổ phần theo phương thức đấu giá. HĐQT được quyền quyết định giá chào bán và mức chiết khấu sao cho có lợi nhất cho Công ty và các cổ đông.

12. Nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu tỷ lệ lên đến 100% vốn cổ phần của Công ty, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp, bị tiêu hủy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền lợi nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do

việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
 - a. ĐHĐCĐ;
 - b. Ban Kiểm soát;
 - c. HĐQT;
 - d. Tổng Giám đốc Điều hành;
 - e. Các Phó Tổng Giám đốc;
 - f. Các Giám đốc;
 - g. Các cấp thừa hành khác.
2. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ

Điều 11: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khi điều kiện Công ty cho phép hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần vào Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03] ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử;
 - c. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12: Nghĩa vụ của các cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Khi Công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán thì theo đề nghị của HĐQT có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Theo đề nghị của HĐQT, luật sư, cố vấn pháp lý của Công ty có thể tham gia họp ĐHĐCĐ để giải thích các vấn đề pháp lý, quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức như sau:
 - a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Điều lệ mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo khoản 3 Điều 140 Luật Doanh

- ngiệp;
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Điều lệ, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ; Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - e. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty; kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;

- d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Báo cáo HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại.
 - g. Số lượng thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT và Ban Kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ; Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Việc Tổng Giám đốc Điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Những người liên quan của cổ đông đó.
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 15: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn

ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận

hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không quá 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Việc mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:
 - a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian; địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT.
 - d. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều 17 Điều lệ trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại và gửi thông báo mời họp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập và gửi thông báo mời họp trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ĐHĐCĐ lần thứ hai. Trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự.

Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại

hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành

cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều 20, khoản 1 Điều 16, khoản 7 Điều 24 và khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
2. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - b. Loại và số lượng cổ phần chào bán;
 - c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
 - e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết. Trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và/hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 Điều lệ này;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ Nghị quyết đó của Tòa án có hiệu lực, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24 : Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại

với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị có 05 thành viên;
- b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy

(07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) người.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT Công ty như sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp
 5. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán trên thị trường chứng khoán.
 6. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
 7. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trừ những quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng và các vị trí chủ chốt khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

- c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt đó;
- e. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;
- h. Phê duyệt phương án đầu tư và dự án đầu tư, trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà không cần nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Điều lệ này, quyết định việc bán/chuyển nhượng tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- i. Quyết định giải pháp phát triển công nghệ, chuyển nhượng, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, sử dụng các biện pháp bảo đảm khoản vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, cách chức Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng và các vị trí chủ chốt khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;
- l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- m. Tổ chức việc chi trả cổ tức;
- n. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- o. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
- p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;
- r. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công

- ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- t. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - u. Trong phạm vi thẩm quyền, HĐQT được phép ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT trực tiếp quyết định, triển khai và thực hiện.
 - v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
 5. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
 6. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
 7. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
 8. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT.

1. HĐQT có quyền lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty.
Chủ tịch HĐQT được bầu, ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT còn phải đáp ứng được các điều kiện sau:
 - a. Là cổ đông nắm giữ trên 20% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên hoặc nắm giữ một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhỏ hơn nhưng phải là thành viên do cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên ứng cử hoặc đề cử theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này; và

- b. Là thành viên HĐQT của Công ty trong nhiệm kỳ trước.
2. Chủ tịch HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, cuộc họp HĐQT;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản quy định nội bộ;
 - g. Các thẩm quyền khác theo sự phân công, ủy quyền cụ thể của HĐQT bằng văn bản.
3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và Chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì trong số các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số, thì một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

- a. Tổng Giám đốc Điều hành hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - c. Ban Kiểm soát;
 - d. Thành viên độc lập HĐQT.
4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 27 của Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế và phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT hay đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

9. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều 27 Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Đối với các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên HĐQT hoặc người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty thì thành viên đó không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hay đề xuất này. Thành viên HĐQT này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT đối với những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 33 và điểm b khoản 6 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm

thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực

15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC VỊ TRÍ CHỦ CHỐT KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29: Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Điều hành và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số lượng các Phó Tổng Giám đốc nhất định và các vị trí chủ chốt cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tùy từng thời điểm. Cán bộ Quản lý và các vị

trí chủ chốt khác phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Điều hành sẽ phải do HĐQT quyết định và hợp đồng của những Cán bộ Quản lý, vị trí chủ chốt khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc Điều hành. Tiền lương của Cán bộ Quản lý được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Điều hành phải được báo cáo trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc Điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc Điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;
 - c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; kiến nghị số lượng các loại Cán bộ Quản lý và vị trí chủ chốt khác mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch do HĐQT đề ra, quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ;
 - d. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - e. Quyết định thực hiện các giải pháp phát triển thị trường theo nghị quyết của HĐQT;
 - f. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - g. Ban hành nội quy Công ty, quyết định các vấn đề về cơ cấu phòng ban, phân xưởng, phân phối và những biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính, các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng

của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật.
4. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng Giám đốc Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Ủy quyền, ủy nhiệm: Tổng Giám đốc Điều hành có thể ủy quyền (ủy nhiệm) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc Điều hành phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm này.
6. Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền lại cho người khác.
7. Đình chỉ công tác: Trong trường hợp Tổng Giám đốc Điều hành vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT, thì Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác của Tổng Giám đốc Điều hành, bổ nhiệm tạm thời người thay thế cho đến cuộc họp tiếp theo của HĐQT. Tổng Giám đốc Điều hành có quyền phản đối việc tạm đình chỉ này tại cuộc họp HĐQT tiếp theo và các quyền khác theo quy định pháp luật.
8. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Điều hành mới thay thế.

Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - h. Có hiểu biết về pháp luật;
 - i. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - j. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa

Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- h. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC VỊ TRÍ CHỦ CHỐT KHÁC

Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin..
3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
6. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc Những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc Những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý, các vị trí chủ chốt khác hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [...] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý, các vị trí chủ chốt khác hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

Điều 34: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường và thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật

sự), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty sẽ mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và đảm bảo không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của

mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
8. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát mà có lý do chính đáng thì chỉ có thể ủy quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát để thảo luận và quyết định các vấn đề tại cuộc họp.
9. Trường hợp trong nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát bị khuyết thành viên thì Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục hoạt động với số thành viên còn lại cho đến khi thành viên bị khuyết được bầu bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất. Tuy nhiên, trong trường hợp Ban Kiểm soát bị khuyết thành viên, nhưng số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn lại là ba (03) người, thì Ban Kiểm soát có thể tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ với số lượng thành viên này. Trường hợp thành viên bị khuyết là Trưởng Ban Kiểm soát thì các thành viên còn lại của Ban Kiểm soát sẽ quyết định chọn một người làm Trưởng Ban Kiểm soát nếu không quyết định được thì người có phiếu bầu cao hơn trong lần chọn thành viên Ban Kiểm soát sẽ tạm thời làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 36: Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

- c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý và các vị trí chủ chốt khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
 - g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - j. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - l. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - m. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - n. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - o. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
 - p. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và của Công ty.
2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Phó Tổng Giám đốc phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
 3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
 4. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.
 5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

6. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.
7. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37 : Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành và các Phó Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
6. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38: Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác.
2. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39: Phân phối lợi nhuận

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41: Trích lập các Quỹ

Tùy theo tình hình kinh doanh và yêu cầu của mỗi năm và theo đề nghị của HĐQT và Ban Kiểm soát, ĐHĐCĐ sẽ quyết định các tỷ lệ phân phối các quỹ khác (quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi).

Điều 42: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 43: Chế độ Kế toán

1. Công ty sử dụng Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam (“VAS”) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận cho công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
2. Công ty lập sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

XV. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45: Kiểm toán

1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 46: Quản lý, sử dụng và lưu trữ con dấu

1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức hình thức, số lượng, nội dung và mẫu con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền giữ và quản lý con dấu. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Điều hành hoặc một thành viên khác giữ, quản lý hoặc sử dụng con dấu bằng văn bản ủy quyền. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.
3. Con dấu Công ty:
 - a. Số lượng con dấu: 01;
 - b. Con dấu có đường kính 36mm;
 - c. Nội dung con dấu bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ thành phố của trụ sở chính Công ty;
 - d. Hình thức: dấu tròn, mực đỏ.
4. Phải đảm bảo nội dung con dấu phù hợp với quy định của pháp luật và thuần phong mỹ tục, văn hóa nước Việt Nam.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 47: Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quy định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 48: Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản luật liên quan hoặc thỏa thuận, giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý hay các vị trí chủ chốt khác.thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết theo thủ tục tố tụng của Trung tâm. Phán quyết của Trọng tài là chung thẩm và có giá trị thi hành ngay.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Đối với thủ tục trọng tài, bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí, kể cả phí luật sư của bên thắng kiện.

XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật liên quan, khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó

đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51: Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long nhất trí thông qua ngày 11 tháng 06 năm 2021 tại TP. HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (½) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Điều 52: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔ GIA THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Sửa đổi lần thứ 03)

TP. HCM, ngày 11 tháng 06 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**

(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (“**Luật Doanh nghiệp**”); Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
2. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc Điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng, và các vị trí chủ chốt khác trong Công ty khác theo quy định của Điều lệ Công ty;.
3. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) có nghĩa là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp
4. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.
5. “HĐQT” là Hội đồng Quản trị.
6. “ĐHĐCĐ” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông Công ty - là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty.
7. “BKS” là Ban kiểm soát.
8. “Đại biểu” là cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).

Những nội dung không được định nghĩa, giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu và áp dụng thống nhất như được định nghĩa, giải thích tại Điều lệ Công ty.

Điều 3: Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. ĐHĐCĐ;
 - b. BKS;
 - c. HĐQT;
 - d. Tổng Giám đốc Điều hành;
 - e. Các Phó Tổng Giám đốc;
 - f. Các Giám đốc;
 - g. Các cấp thừa hành khác.
2. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;
 - c. Báo cáo HĐQT;
 - d. Kế hoạch phát triển trung hạn (03-05 năm) và dài hạn (trên 05 năm) của Công ty.
2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:
 - a. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
 - b. Số lượng thành viên của HĐQT;
 - c. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - k. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - m. Việc Tổng Giám đốc Điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- o. Các vấn đề khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 5: Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ và lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được gia hạn theo đề nghị của HĐQT, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 05 ngày trước ngày gửi giấy mời dự họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên dựa trên danh sách người sở hữu Chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập tại thời điểm chốt danh sách.

Điều 6: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập Hội nghị ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm gửi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. Thông báo bao gồm các thông tin về ngày đăng ký cuối cùng, mục đích chốt danh sách cổ đông, tỷ lệ thực hiện quyền, thời gian, địa điểm tổ chức và nội dung dự kiến của cuộc họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ theo quy định chi tiết tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”).
2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ phải được gửi đến VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 7: Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, nội dung chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ

1. Sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, người triệu tập ĐHĐCĐ phải gửi Thông báo (hoặc thư mời) đến tất cả các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định chi tiết tại khoản 4 điều này.
2. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán. Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm.

3. Theo đề nghị của HĐQT, luật sư, cố vấn pháp lý của Công ty có thể tham gia họp ĐHĐCĐ để giải thích các vấn đề pháp lý, quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty.
4. Việc mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:
 - a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
 - c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết;
 -
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên BKS, thành viên HĐQT.
 - d. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
7. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối đề xuất quy định tại Khoản 6 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất nêu trên trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn, hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
 - Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp.

9. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
- b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- d. Trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 10 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8: Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ

- a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ, bao gồm liên hệ với Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông) về Công ty.
- b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Đăng ký dự họp;
 - Ủy quyền đại diện tham dự đại hội (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện);
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

- a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - b. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu.
 - c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ
- a. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết;
 - b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ, người triệu tập họp hủy cuộc họp và triệu tập lại theo Quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.
4. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ
- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 9: Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu bao gồm các nội dung sau:
 - Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
 - Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
 - Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT.
 - Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);
 - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Điều hành;
 - Kết quả giám sát đối với các Cán bộ Quản lý khác;
 - Các kế hoạch trong tương lai.
2. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau:
 - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên;
 - Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;
 - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa

Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và các Cán bộ Quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và cổ đông;
- Các kiến nghị và đề xuất.

Điều 10: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, thông qua quyết định của ĐHĐCĐ và cách thức phản đối quyết định ĐHĐCĐ

1. Cách thức bỏ phiếu:

- a. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
- b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ hoặc bỏ phiếu. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Cách thức kiểm phiếu:

- a. ĐHĐCĐ bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra có trách nhiệm thống kê các ý kiến của cổ đông làm cơ sở để ĐHĐCĐ ra quyết định.
- b. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định
- c. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- a. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề.
- b. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:

- a. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều 20, khoản 1 Điều 16, khoản 7 Điều 24 và khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
- b. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - Sửa đổi và bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Loại và số lượng cổ phần chào bán;

- Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty; và
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

5. Cách thức phản đối quyết định ĐHĐCĐ:

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;
- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11: Lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác ĐHĐCĐ. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến

hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12: Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ

1. Trừ các vấn đề được pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ Công ty quy định bắt buộc phải thông qua bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp tại cuộc họp, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Các bước lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

a. Chuẩn bị tài liệu:

HĐQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b. Thông báo và lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Việc công bố thông tin và lập danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tương tự như việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

c. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông:

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng đông.

HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người

đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết. Trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

g. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13: Thông báo Quyết định và Biên bản họp ĐHĐCĐ (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) ra công chúng

Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp ĐHĐCĐ (hoặc Biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) được gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn giờ (24) giờ kể từ khi cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Điều 14: Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 Điều lệ Công ty;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp Luật hoặc Điều lệ Công ty;
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến

1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp với trực tuyến, có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tiếp.
2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức như quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:
 - a. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;
 - b. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;
 - c. Quy định về việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;
 - d. Quy định về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;
 - e. Quy định về hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc hội nghị kết hợp trực tuyến;
 - f. Quy định về cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;
 - g. Quy định về việc lập biên bản họp và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - h. Các nội dung cần thiết khác có liên quan.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC 1. THÀNH PHẦN HĐQT VÀ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 16: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty

hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- a. Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:
 - b. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị có 05 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - d. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm HĐQT mới được bầu vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 17: Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Điều hành.

MỤC 2. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 18: Thủ tục đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 75% đến dưới 80% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 80% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) người.
2. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT gồm: Phiếu đề cử hoặc phiếu ứng cử thành viên HĐQT theo mẫu của Công ty; Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty; Bản sao CMND, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 19: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT

1. Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tham dự họp ĐHĐCĐ;
2. Phương thức bầu cử: Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu:
 - a. Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên HĐQT theo cơ cấu số lượng thành viên được ĐCĐCĐ thông qua;
 - b. Cổ đông có thể chia tổng số quyền bầu cử cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số quyền bầu cử cho một hoặc một số ứng cử viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trống);
 - c. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên;
 - d. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
3. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:
 - a. Phiếu bầu thành viên HĐQT (sau đây được gọi là “Phiếu bầu”) được phát cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông theo mã số cổ đông (sở hữu hoặc ủy quyền). Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và có đóng dấu của Công ty;
 - b. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Công ty đổi phiếu bầu khác;
 - c. Cổ đông phải tự mình ghi vào Phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền vẫn có đầy đủ quyền bỏ phiếu bầu cử.
4. Phiếu bầu không hợp lệ:
 - a. Phiếu không theo mẫu quy định, không đóng dấu của Công ty;
 - b. Phiếu bị rách rời, gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - c. Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.
5. Ban Kiểm phiếu:
 - a. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - Thông qua Quy chế bầu cử;
 - Hướng dẫn cách bầu cử;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
 - c. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và những người có liên quan đến người này.
6. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:
 - a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
 - c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
 - d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.
7. Chọn bầu, lập và công bố biên bản kiểm phiếu
- a. Ứng viên trúng cử vào HĐQT phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất 1 quyền bầu cử của tất cả cổ đông dự họp;
 - b. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- c. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.
8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHCĐ.

Điều 20: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT
 - a. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty;
 - b. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHCĐ.
2. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT
 - a. Đối với các trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm, không đủ tư cách làm thành viên HĐQT, hoặc được xác định là không đủ năng lực hành vi bằng một văn bản của cơ quan có chức năng hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật thì thời điểm chấm dứt tư

cách thành viên HĐQT được xác định tại thời điểm diễn ra một trong các sự kiện đó. Việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT sẽ được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại cuộc họp gần nhất;

- b. Đối với các trường hợp thành viên có đơn bằng văn bản xin từ chức thành viên HĐQT, việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT được coi là có hiệu lực khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT trị của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 22: Công bố thông tin

Việc bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC 3. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

Điều 23: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ .
2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
3. HĐQT hoạt động theo nguyên tắc: quyết định tập thể, trách nhiệm cá nhân. Từng thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của HĐQT và chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT về những công việc được phân công. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về các quyết định, nghị quyết của HĐQT ban hành.
4. HĐQT quản lý Công ty bằng hình thức ban hành các nghị quyết, quyết định, nội quy, quy chế được tập thể HĐQT thông qua. Các nghị quyết, quyết định, nội quy, quy chế của HĐQT có hiệu lực thi hành bắt buộc trong toàn Công ty.
5. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng và các vị trí chủ chốt khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.

6. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt đó;
 - e. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các trái phiếu kèm chứng quyền;
 - g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;
 - h. Phê duyệt phương án đầu tư và dự án đầu tư, trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà không cần nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Quy chế này và Điều lệ Công ty, quyết định việc bán/chuyển nhượng tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - i. Quyết định giải pháp phát triển công nghệ, chuyển nhượng, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, sử dụng các biện pháp bảo đảm khoản vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, cách chức Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận, Kế toán trưởng và các vị trí chủ chốt khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗi phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - m. Tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - n. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
 - o. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.
 - p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
 - q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;
 - r. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - t. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - u. Trong phạm vi thẩm quyền, HĐQT được phép ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT trực tiếp quyết định, triển khai và thực hiện.
 - v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
7. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
 9. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
 10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các Tiểu ban của HĐQT.
 11. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24: Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT được bầu, ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT còn phải đáp ứng được các điều kiện sau:
 - a. Là cổ đông nắm giữ trên 20% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong thời hạn từ sáu (06) tháng liên tục trở lên hoặc nắm giữ một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhỏ hơn nhưng phải là thành viên do cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên ứng cử hoặc đề cử theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty; và
 - b. Là thành viên HĐQT của Công ty trong nhiệm kỳ trước.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quá bán.

4. Chủ tịch HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ, cuộc họp HĐQT;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và các văn bản quy định nội bộ, cụ thể:
 - Phân công, phân nhiệm cho các thành viên HĐQT, các Tiểu ban của HĐQT, các hội đồng chuyên môn do HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thành lập. Chủ tịch HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Chủ tịch HĐQT để cùng (i) tham dự các cuộc họp của Chủ tịch HĐQT để lập biên bản, ghi chú; (ii) sắp xếp lịch họp của Chủ tịch HĐQT; (iii) tiếp nhận và tổng hợp các báo cáo, thông tin và/hoặc giải trình do các Cán bộ quản lý và các vị trí chủ chốt khác lập theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc/và (iv) thực hiện các công việc khác theo sự phân công, ủy quyền cụ thể của Chủ tịch HĐQT trong từng thời kỳ;
 - Thay mặt HĐQT phê duyệt các chủ trương về ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các vị trí chủ chốt khác. Phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - Phê duyệt cơ cấu tổ chức, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các cơ chế, chính sách của Công ty; các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền cho Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác hoặc ủy quyền cho các nhân viên khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - Cử đại diện chủ sở hữu tại các Công ty con, bổ nhiệm, phân cấp phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch kiêm người đại diện theo pháp luật tại các Công ty con, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con;
 - g. Các thẩm quyền khác thuộc thẩm quyền của HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

MỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 25: Các cuộc họp của HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo các trường hợp được quy định tại khoản 3, 4 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 26: Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp HĐQT:
 - a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp;
 - b. BKS có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT;
 - c. Ban Tổng Giám đốc có thể được mời tham dự và trình bày tại các cuộc họp của HĐQT.
2. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
3. Điều kiện tiến hành cuộc họp:
 - a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);
 - b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
4. Nội dung các cuộc họp:
 - a. Cán bộ được phân công chịu trách nhiệm trình bày các nội dung theo chương trình họp;
 - b. HĐQT thảo luận và cho ý kiến từng vấn đề. Các vấn đề được thống nhất để đưa vào Nghị quyết HĐQT phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp;
 - c. Trong cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc hoặc người được Ban Tổng Giám đốc ủy quyền giải trình cụ thể những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án do Ban Tổng Giám đốc trình HĐQT;
 - d. Các báo cáo tại cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý:
 - Báo cáo thực hiện Nghị quyết của HĐQT trong quý;
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm các nội dung sau:
 - ✓ Nhận định tình hình thị trường, các chính sách điều hành của Ban Tổng Giám đốc;
 - ✓ Kết quả sản xuất và kinh doanh trong quý, kết quả kinh doanh lũy kế;
 - ✓ Đề xuất kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo và các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch.
 - e. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty trong quý;
 - f. Ngoài các báo cáo nêu trên, Ban Tổng Giám đốc sẽ báo cáo việc thực hiện các nội dung công việc có tính chất dài hạn và thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
5. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc

có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ;

- c. Theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 7 Điều 33 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;
- f. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

6. Các hình thức họp khác:

- a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- b. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.
- c. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
- d. Trường hợp tổ chức họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên HĐQT gửi qua văn bản hoặc email để lập biên bản họp HĐQT và Nghị quyết HĐQT. Việc biểu quyết bằng văn bản hoặc email của các thành viên HĐQT chỉ có giá trị pháp lý khi thành viên HĐQT ký vào biên bản cuộc họp.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại cuộc họp và thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nhau.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có thể biểu quyết thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT trong cuộc họp chấp thuận.

9. Biên bản cuộc họp và nghị quyết:

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, đại điểm họp;
- Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định nêu trên thì biên bản này có hiệu lực.

Thư ký Công ty tổ chức việc ghi biên bản và ký biên bản cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- c. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh.
- d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.
- e. Căn cứ vào biên bản họp HĐQT hoặc từ một văn bản Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể soạn thảo ra một văn bản nghị quyết riêng khác có nội dung đúng theo văn bản gốc. Văn bản nghị quyết này chỉ cần chữ ký của Chủ tịch HĐQT và con dấu của Công ty, có giá trị pháp lý như những nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ;

10. Thông báo nghị quyết HĐQT:

Sau khi có Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ.

MỤC 5. CƠ CẤU VÀ CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 27: Các Tiểu ban của HĐQT

1. Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT thành lập và ủy quyền cho các Tiểu ban trực thuộc nhằm chuyên trách một số chức năng của HĐQT.
2. Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ các Tiểu ban:
 - a. Tiểu ban Chính sách Đầu tư và Phát triển
 - Hoạch định các chiến lược phát triển
 - Xác định mục tiêu, kế hoạch và những chỉ tiêu thành tích cơ bản của Công ty
 - Xác định các ưu tiên hoạt động
 - Đánh giá năng suất dài hạn trong các hoạt động của Công ty
 - Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan đến chính sách phát triển do HĐQT giao phó.
 - Giám sát và soát xét việc lập kế hoạch dài hạn và trung hạn;
 - Soát xét kế hoạch ngân sách hàng năm và hàng quý của Công ty;
 - Nghiên cứu, tham mưu và đề xuất HĐQT các lĩnh vực đầu tư triển vọng;
 - Thẩm định lại các dự án đầu tư trước khi trình ĐHĐCĐ hoặc HĐQT quyết định;
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền duyệt đầu tư của Công ty;
 - Triển khai thực hiện các Dự án trọng điểm trong và ngoài nước của Tập đoàn đã được ĐHĐCĐ/ HĐQT phê duyệt;
 - Triển khai, giám sát các hoạt động đầu tư khác của Tập đoàn;
 - Xem xét, đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư và đề xuất các biện pháp xử lý nếu có phát sinh rủi ro;
 - Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan đến đầu tư do HĐQT giao phó.
 - b. Tiểu ban Tái cấu trúc, nhân sự và lương thưởng
 - Công tác tái cấu trúc và nhân sự:
 - ✓ Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức phù hợp với thực tiễn hoạt động;
 - ✓ Nghiên cứu soạn thảo quy chế hoạt động của các đơn vị trong Tập đoàn: Quy chế hoạt động của HĐQT; các Tiểu ban của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Quy định về phân cấp, phân quyền các cấp quản trị, quản lý của Tập đoàn;
 - ✓ Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức về nhân sự: Xây dựng tiêu chuẩn về đánh giá Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác; Quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác của Công ty; Chính sách quy hoạch, luân chuyển, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Lập kế hoạch kế nhiệm cho các thành viên HĐQT và Cán bộ Quản lý Công ty và các vị trí chủ chốt khác;
 - Vấn đề Lương thưởng, phúc lợi: Nghiên cứu, xây dựng và đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện chính sách về lương thưởng, phúc lợi, khen thưởng - kỷ luật của Công ty;

- Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan đến tái cấu trúc, nhân sự và lương thưởng do HĐQT giao phó.

c. Tiểu ban Quan hệ Cổ đông

- Nghiên cứu, tham mưu và đề xuất HĐQT các phương án, kế hoạch phát hành chứng khoán, chi trả cổ tức và các hoạt động liên quan đến cổ phần, cổ phiếu để HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Tham gia hoặc chủ trì tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà đầu tư;
- Tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

d. Tiểu ban Kiểm toán

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty;
- Đề xuất với HĐQT về việc bổ nhiệm Kiểm toán Độc lập và phê duyệt kinh phí và điều khoản làm việc với Kiểm toán Độc lập;
- Giám sát sự độc lập và khách quan của Kiểm toán Độc lập và mức độ hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- Phê duyệt, kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động và hiệu quả hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ;
- Đề xuất HĐQT việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thành viên kiểm toán nội bộ;
- Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan đến chức năng kiểm toán và quản lý rủi ro khác do HĐQT giao phó;
- Báo cáo với HĐQT, xác định các vấn đề cần hành động hay cải thiện và đưa ra đề xuất.

3. Trong trường hợp HĐQT chưa thành lập các Tiểu ban chức năng thì chức năng và nhiệm vụ của các Tiểu ban nêu trên thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT hoặc của thành viên HĐQT được ủy quyền.
4. Việc thành lập các Tiểu ban và phân công nhân sự phụ trách phải được thông qua bởi một nghị quyết của HĐQT; đồng thời việc thành lập các Tiểu ban phải được báo cáo Sở giao dịch chứng khoán.
5. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra.
6. Hỗ trợ triển khai nghiệp vụ cho các Tiểu ban là các Khối/ Bộ phận chức năng liên quan khi được yêu cầu.

Điều 28: Thẩm quyền của các Tiểu ban HĐQT

1. Trách nhiệm cuối cùng trong việc ra quyết định thuộc về HĐQT, các Tiểu ban trực thuộc HĐQT có thể giải quyết và đưa ra những quyết định liên quan đến những vấn đề được HĐQT giao phó, với điều kiện quyết định của một Tiểu ban chỉ có hiệu lực và giá trị thi hành khi đa số các thành viên của Tiểu ban có mặt và biểu quyết trong cuộc họp của Tiểu ban đó cũng đồng thời là thành viên HĐQT.

2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 29: Thành phần các Tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Số lượng thành viên của mỗi Tiểu ban do HĐQT quyết định.
2. HĐQT có toàn quyền trong việc đề cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT.
3. Các thành viên của tiểu ban có thể kiêm nhiệm các vị trí, chức danh khác của Công ty
4. Tiểu ban Tái cơ cấu, lương thưởng và nhân sự phải có ít nhất một (01) thành viên HĐQT độc lập làm Chủ tịch Tiểu ban.
5. Các bên liên quan khác, nhất là Cán bộ Quản lý, những người không phải là thành viên của các Tiểu ban HĐQT, có thể được mời dự bàn về các vấn đề cụ thể nào đó, nhưng chỉ có tư cách quan sát, tức là không có quyền can thiệp hoặc quyết định đối với các vấn đề được dự bàn.
6. Công ty có thể thành lập Ban cố vấn hoặc tuyển dụng một số các chuyên gia làm cố vấn cho Công ty trong một số lĩnh vực cần thiết. Lương và thù lao của các chức danh cố vấn được thực hiện theo nghị quyết của HĐQT và hợp đồng lao động, hợp đồng tư vấn ký với Công ty.

Điều 30: Chủ tịch Tiểu ban

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Tiểu ban làm Chủ tịch Tiểu ban.
2. Chủ tịch của một Tiểu ban trực thuộc HĐQT chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của Tiểu ban ấy, ngoài những nghĩa vụ khác của cá nhân đó.
3. Chủ tịch của một Tiểu ban cần phải báo cáo lên Chủ tịch HĐQT về những công việc của Tiểu ban. Bên cạnh đó, các Chủ tịch của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT cần phải có mặt tại các kỳ ĐHĐCĐ để trả lời những câu hỏi của các cổ đông.

Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán về Công bố thông tin.
5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- h. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 32: Thù lao của HĐQT

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định, bao gồm thù lao cho các trách nhiệm bổ sung như Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Tiểu ban HĐQT, thành viên Tiểu ban HĐQT.
2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty, và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BKS VÀ BKS

Điều 33: Ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện theo Điều 35 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của BKS đương nhiệm được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 34: Tư cách thành viên BKS

1. Thành viên BKS là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên BKS. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.
2. Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác của Công ty.
4. Tất cả các thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên

Điều 35: Thành phần BKS

1. Số lượng thành viên BKS ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.
2. BKS phải chỉ định một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp BKS;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.
3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

9. Trường hợp thành viên BKS không thể tham dự các cuộc họp của BKS mà có lý do chính đáng thì chỉ có thể ủy quyền cho thành viên khác của BKS để thảo luận và quyết định các vấn đề tại cuộc họp.
10. Trường hợp trong nhiệm kỳ của BKS bị khuyết thành viên thì BKS sẽ tiếp tục hoạt động với số thành viên còn lại cho đến khi thành viên bị khuyết được bầu bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất. Tuy nhiên, trong trường hợp BKS bị khuyết thành viên, nhưng số lượng thành viên BKS còn lại là ba (03) người, thì BKS có thể tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ với số lượng thành viên này. Trường hợp thành viên bị khuyết là Trưởng BKS thì các thành viên còn lại của BKS sẽ quyết định chọn một người làm Trưởng BKS nếu không quyết định được thì người có phiếu bầu cao hơn trong lần chọn thành viên BKS sẽ tạm thời làm Trưởng BKS.

Điều 36: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên BKS

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của BKS. Thư ký công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên BKS hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 37: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS

1. BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
 - g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và của Công ty.

2. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.
4. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu tại điểm e khoản 1 Điều này, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

Điều 38: Thù lao của BKS

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Thù lao cho các thành viên BKS được ĐHCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên BKS được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 39: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành và một số lượng các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt cần thiết do HĐQT bổ nhiệm để phù hợp với yêu cầu thực tế của Công ty tùy từng thời điểm. Công ty cũng đồng thời có Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT và nằm dưới sự giám sát của Tiểu ban Kiểm toán được quy định tại Điều 27 Quy chế này.

Điều 40: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành

1. **Bổ nhiệm:** HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT quyết định và phải được báo cáo trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. **Tiêu chuẩn tuyển chọn Tổng Giám đốc Điều hành:** Ngoài những tiêu chuẩn tại điều 64 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Điều hành còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là thành viên BKS Công ty;
 - b. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT quyết định
4. **Quyền hạn và nhiệm vụ:** Tổng Giám đốc Điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và

điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; kiến nghị số lượng các loại Cán bộ Quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch do HĐQT đề ra, quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người lao động trừ các vị trí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;
- d. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- e. Quyết định thực hiện các giải pháp phát triển thị trường theo nghị quyết của HĐQT;
- f. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- g. Ban hành nội quy Công ty, quyết định các vấn đề về cơ cấu phòng ban, phân xưởng, phân phối và những biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính, các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật.

5. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng Giám đốc Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Ủy quyền, ủy nhiệm: Tổng Giám đốc Điều hành có thể ủy quyền (ủy nhiệm) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc Điều hành phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm này.

Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền cho người khác.

7. Đình chỉ công tác: Trong trường hợp Tổng Giám đốc Điều hành vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT, thì Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác của Tổng Giám đốc Điều hành, bổ nhiệm tạm thời người thay thế cho đến cuộc họp tiếp theo của HĐQT. Tổng Giám đốc Điều hành có quyền phản đối việc tạm đình chỉ này tại cuộc họp HĐQT tiếp theo và các quyền khác theo quy định pháp luật.

8. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Điều hành mới thay thế.

9. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Việc Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật lao động.

10. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được thông báo tới các bên liên quan, được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.

Điều 41: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và tuyển dụng các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác

1. Bổ nhiệm: Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 Điều này và phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài Tổng Giám đốc Điều hành, các vị trí Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại khoản k Điều 1 Điều lệ Công ty bao gồm:
 - a. Các Phó Tổng Giám đốc;
 - b. Các Giám đốc bộ phận;
 - c. Kế toán trưởng; và
 - d. Các vị trí chủ chốt khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn, căn cứ theo nhu cầu thực tế của Công ty trong từng giai đoạn.
2. Tiêu chuẩn tuyển chọn Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật liên quan;
 - c. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong việc điều hành doanh nghiệp và lĩnh vực chuyên môn liên quan đến chức vụ được bổ nhiệm;
 - d. Chứng chỉ hành nghề: Đối với các chức danh chuyên môn theo quy định của Pháp luật cần có chứng chỉ hành nghề;
 - e. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể của từng vị trí được quy định trong bản Trách nhiệm và quyền hạn;
 - f. Các yêu cầu khác theo quy định của Công ty và pháp luật liên quan.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: HĐQT bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác nhằm giúp việc cho Tổng Giám đốc Điều hành trong việc quản lý điều hành chung Công ty và trực tiếp phụ trách một số chức năng theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp công việc và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành.
4. Miễn nhiệm: Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đơn xin từ nhiệm gửi đến Công ty;
 - b. Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - c. Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công ty;
 - d. Hết nhiệm kỳ và không có quyết định tái bổ nhiệm (đối với các trường hợp các chức danh bổ nhiệm có nhiệm kỳ);
 - e. Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác có thể bị thôi nhiệm bất kỳ khi nào bằng một nghị quyết của HĐQT nhưng không trái với quy định của pháp luật lao động và pháp luật liên quan.

Điều 42: Kiểm toán Nội bộ

1. Thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ (KTNB):

- a. Thành viên ban KTNB phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Trưởng Ban KTNB phải có chuyên môn về tài chính kế toán.
- b. Thành viên ban KTNB không phải là Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác được HĐQT bổ nhiệm và những người có liên quan đến các thành viên này.
- c. Thành viên ban KTNB không phải là người làm việc trong bộ phận tài chính kế toán của Công ty, thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang phụ trách kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- d. Thành viên ban KTNB có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu phục vụ công tác của ban KTNB theo quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin về tài chính theo yêu cầu của các thành viên ban KTNB.
- e. Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT và nằm dưới sự giám sát của Tiểu ban Kiểm toán. Trong trường hợp HĐQT chưa thành lập Tiểu ban Kiểm toán thì Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc sự giám sát của HĐQT hoặc của thành viên HĐQT được ủy quyền. Tổ chức hoạt động của Ban Kiểm toán Nội bộ, quyền hạn và nhiệm vụ của các thành viên được quy định chi tiết tại Quy chế hoạt động của Kiểm toán Nội bộ.

Điều 43: Chế độ hội họp, báo cáo

1. Tổng Giám đốc Điều hành chủ trì các cuộc họp định kỳ và bất thường (theo quyết định của Tổng Giám đốc Điều hành hoặc có yêu cầu từ HĐQT, Chủ tịch HĐQT) với các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác của Công ty để tổng kết đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của HĐQT và triển khai kế hoạch công việc.
2. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, BKS có thể tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt thông tin, phục vụ hoạt động điều hành và kiểm soát.
3. Các cuộc họp và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành phải được lập thành Biên bản, ban hành và gửi đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.
4. Trong các kỳ họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kết quả triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT và đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp thực hiện để đảm bảo kế hoạch và các nội dung khác nhằm phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HĐQT, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 44: Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS

Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết ĐHCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc phối hợp thực hiện các chức năng quyền hạn nhiệm vụ giữa công tác quản trị, công tác điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ chức năng và trách nhiệm của các vị trí công tác.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty.

Công tác kiểm soát của BKS là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Nguyên tắc cơ bản của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Công ty.

1. Quan hệ phối hợp:

- a. HĐQT và BKS thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT, trong quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo BKS luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho HĐQT khi phát hiện có nội dung không phù hợp để HĐQT xem xét, điều chỉnh kịp thời;
- b. BKS tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

2. Quan hệ kiểm soát - Giám sát:

- a. BKS thay mặt ĐHĐCĐ giám sát HĐQT trong quản lý và điều hành Công ty. BKS kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông;
- b. BKS có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của HĐQT theo pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ; thẩm tra hiệu quả quản lý của HĐQT;
- c. BKS có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;
- d. BKS có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của HĐQT;
- e. Khi phát hiện có thành viên HĐQT vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- f. BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời cho HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHĐCĐ.

Điều 45: Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về công việc được giao.

Mọi quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Công ty và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

1. Quan hệ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

- a. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược được HĐQT thông qua;

- b. HĐQT cùng với Ban Tổng Giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Công ty và trình ĐHCĐ thông qua và các phương pháp, cách thức tiến hành và các giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra;
 - c. Tổng Giám đốc Điều hành phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất của Công ty để trình HĐQT. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Tổng Giám đốc Điều hành báo cáo HĐQT để HĐQT điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;
 - d. Hàng quý, sáu (06) tháng, và hàng năm, Ban Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho HĐQT, kiến nghị những vấn đề cần được HĐQT giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;
 - e. Ban Tổng Giám đốc, các Khối chức năng có trách nhiệm hỗ trợ, cung cấp thông tin và phối hợp hoạt động với các Tiểu ban HĐQT khi được yêu cầu;
 - f. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Ban Tổng Giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho HĐQT để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời;
 - g. Ban Tổng Giám đốc có thể được mời tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của HĐQT phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty;
 - h. HĐQT thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của HĐQT.
2. Quan hệ giữa Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:
- a. Quan hệ giữa Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện trên cơ sở quy định về phân cấp điều hành và thẩm quyền ký duyệt và nội dung ủy quyền của Chủ tịch HĐQT cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các văn bản pháp quy khác. Trong phạm vi quyền hạn của mình, với tư cách Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc ủy quyền cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo từng vụ việc hoặc nhiệm vụ đã được phân cấp;
 - b. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã được Chủ tịch HĐQT ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc đã được giao trong phạm vi ủy quyền;
 - c. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Cổ đông về các công việc đã ủy quyền;
 - d. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có thể chỉ đạo trực tiếp hoặc chỉ đạo qua thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết vấn đề kịp thời.

Điều 46: Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc

Mọi quan hệ làm việc giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

1. Quan hệ phối hợp:
 - a. Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa BKS và Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, BKS chủ động xem xét và đưa ra các kiến nghị (nếu có).
 - b. BKS có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà BKS nhận thấy đã vi phạm quy

định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;

- c. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ;
2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:
- a. BKS có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;
 - b. BKS có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Tổng Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc và giữa Ban Tổng Giám đốc, các Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác;
 - c. Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản cho Ban Tổng Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

Điều 47: Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý khác và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý, các vị trí chủ chốt khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
6. ĐHCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc những người liên

quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc Tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc Tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [...] trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan

Điều 48: Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, Thư ký công ty, cán bộ chuyên trách công bố thông tin của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG VII: CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 50: Khen thưởng – Kỷ luật

1. Khen thưởng:

Căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh và chủ trương khen thưởng đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT sẽ quyết định mức thưởng cụ thể:

- a. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định;
- b. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và/hoặc Tiểu ban;
- c. Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, BKS: HĐQT, BKS quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHĐCĐ phê chuẩn;
- d. Đối với đối tượng là Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.

2. Kỷ luật:

- a. Hàng năm, HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;
- b. Thành viên HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;
- c. Thành viên HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý và các vị trí chủ chốt khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51: Tổ chức thực hiện

Quy chế này là cơ sở để Công ty ban hành hệ thống quy chế nội bộ áp dụng cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

1. Trách nhiệm triển khai xây dựng hệ thống quy chế nội bộ:
 - a. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập hệ thống quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, phân cấp phân quyền giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định tại Quy chế này;
 - b. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu tổ chức và hệ thống quy chế quy trình của các Khối chức năng và đơn vị trực thuộc theo quy định tại Quy chế này.
2. Trách nhiệm thực hiện các quy định về quản trị, kiểm soát và điều hành
HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai áp dụng các quy định này vào các cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc theo đúng trình tự được quy định tại Quy chế này.

Điều 52: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 9 Chương và 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Các văn bản do Công ty ban hành trước đây trái với nội dung Quy chế này đều không còn hiệu lực thi hành. Các văn bản cấp dưới ban hành không được trái với các nội dung trong Quy chế này.
3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 16 tháng 05 năm 2018.
4. Trong trường hợp các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc quy định tại Điều lệ Công ty chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc các quy định đó khác với quy định tại Quy chế này thì các quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có hiệu lực./.

<p>Nơi lưu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lưu HĐQT, BKS.- Văn phòng Công ty	<p>TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 2021</p> <p>TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>CHỦ TỊCH</p> <p>CÔ GIA THỌ</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



Số: 06/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Thiên Long.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
CÔ GIA THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TP.HCM, ngày 11 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	10
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	10
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	12
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	12
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	12
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	14
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	14

Căn cứ

- *Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ... ngày 11 tháng 06 năm 2021.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của

Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. [Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

[Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác], Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 06 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: 07/2021/TT - ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thiên Long như tài liệu đính kèm.

Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thiên Long.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
Nguyễn Thị Bích Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA BAN KIỂM SOÁT

TP.HCM, ngày 11 tháng 06 năm 2021

Chương I 3

QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Chương II	3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Chương III	6
BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	8
Chương IV	8
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	8
Chương V	8
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
Chương VI	10
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
Chương VII	10
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	10
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	10

Căn cứ

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 11 tháng 06 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác];

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và [Điều lệ công ty].

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. [Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính

trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

[Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long bao gồm [07 chương], [22 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 06 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/2021/TT - ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

(V/v: Thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long)

Xét tình hình hoạt động và vận hành hiện nay của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đề xuất tổ chức và sắp xếp lại hoạt động của Tập đoàn theo hướng để Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long là Công ty mẹ, với chức năng hoạt động tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu, phát triển thương hiệu Thiên Long và đầu tư, quản lý và điều phối nguồn vốn cho Tập đoàn. Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long sẽ chuyển giao toàn bộ dự án đầu tư sản xuất các loại văn phòng phẩm hiện tại của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long cho một công ty con mới thuộc sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long, để công ty con mới kế thừa và tiếp tục hoạt động này.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long bao gồm:

- Thành lập một công ty con do Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long (sau đây gọi tắt là “Thiên Long”) sở hữu 100% vốn điều lệ với tên doanh nghiệp dự kiến là: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại văn phòng phẩm (sau đây gọi tắt là “Nam Thiên Long”). Trong trường hợp tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định tên doanh nghiệp đăng ký chính thức cho công ty con.
- Chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư “Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long” (sản xuất các loại văn phòng phẩm) theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6307210814, chứng nhận lần đầu ngày 30/06/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 06/12/2018 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp cho Thiên Long sang công ty con dự kiến thành lập (Nam Thiên Long) để tiếp tục thực hiện dự án sản xuất này.
- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở tài nguyên và môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 gắn với dự án đầu tư “Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long” (sản xuất các loại văn phòng phẩm) của Thiên Long sang công ty con dự kiến thành lập (Nam Thiên Long) để tiếp tục thực hiện dự án sản xuất tại địa điểm này.
- Tổ chức và sắp xếp lại hoạt động tại các công ty con trực thuộc Thiên Long phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc chi tiết theo chủ trương nêu trên, bao gồm:

- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập công ty con do Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ với tên doanh nghiệp dự kiến là: Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Thiên Long; xem xét và quyết định vốn điều lệ (và thay đổi vốn điều lệ, nếu cần thiết) và hình thức góp vốn để đáp ứng việc tiếp nhận và thực hiện toàn bộ dự án đầu tư “Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long” (sản xuất các loại văn phòng phẩm) do Thiên Long chuyển nhượng.
- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư “Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long” (sản xuất các loại văn phòng phẩm) theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6307210814, chứng nhận lần đầu ngày 30/06/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 06/12/2018 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp cho Thiên Long sang công ty con dự kiến thành lập (Nam Thiên Long). Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông xem xét và quyết định giá trị chuyển nhượng dự án phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời ra quyết định cụ thể đối với các nội dung chi tiết về chuyển nhượng dự án.
- Tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK145642 do Sở tài nguyên và môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2017 gắn với dự án đầu tư “Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long” (sản xuất các loại văn phòng phẩm) của Thiên Long sang công ty con dự kiến thành lập (Nam Thiên Long). Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức thực hiện thẩm định giá; xem xét và quyết định giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện các thủ tục công chứng hợp đồng theo quy định pháp luật; đồng thời ra quyết định cụ thể đối với các nội dung chi tiết về chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
- Tiến hành các thủ tục cần thiết khác để chuyển giao tài sản, nhân sự và toàn bộ dự án của Thiên Long sang cho công ty con dự kiến thành lập (Nam Thiên Long).
- Tiến hành các thủ tục cần thiết khác để tổ chức sắp xếp hoạt động tại các công ty con trực thuộc Thiên Long.

3. Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Bổ sung ngành:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế)	7020

- Điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh, đồng thời điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty như sau:

“1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế).	7020 (Chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290

	<p>Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng.</p> <p><i>(không thực hiện tại trụ sở)</i></p>	
3	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.</p>	4659
4	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.</p>	4649
5	<p>In ấn</p> <p>Chi tiết: In tampon (pad), in lụa, in flexo, ép nhũ trên sản phẩm của công ty.</p> <p><i>(không thực hiện tại trụ sở)</i></p>	1811
6	<p>Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau.</p> <p><i>(không thực hiện tại trụ sở)</i></p>	2829
7	<p>Sản xuất đồ chơi, trò chơi</p> <p>(không sản xuất đồ chơi, trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)</p> <p><i>(không thực hiện tại trụ sở)</i></p>	3240
8	<p>Sản xuất sản phẩm từ plastic</p> <p>(trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)</p> <p><i>(không thực hiện tại trụ sở)</i></p>	2220
9	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các</p>	4669

	sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bột lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật.	
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). (không thực hiện tại trụ sở)	2817
11	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. (không thực hiện tại trụ sở)	2651

- Thời điểm có hiệu lực bổ sung ngành và điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

4. Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và cập nhật điều chỉnh chi tiết ngành nghề kinh doanh của Thiên Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ công ty về địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

“Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Số 10, đường Mai Chí Thọ, phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.”

- Thời điểm có hiệu lực thay đổi địa chỉ trụ sở chính và điều chỉnh khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty là từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 hoặc tùy theo tiến độ sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Thiên Long nêu tại mục 1 và 2 của Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

CÔ GIA THỌ



Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 ngày 11/06/2021.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long được tổ chức lúc 9 giờ vào ngày 11 tháng 06 năm 2021 và kết thúc lúc ... giờ ... cùng ngày, tại Khách Sạn New World Sài Gòn, số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. HCM, với tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự là... người, sở hữu và đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

Sau khi thảo luận và biểu quyết, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại cuộc họp thường niên năm tài chính 2020 đã thống nhất các Quyết nghị sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất năm 2020 của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (ngàn đồng)
1	Doanh thu thuần năm 2020	2.684.551.950
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	239.845.037

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020

- Đại hội thống nhất thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Số tiền <i>Đơn vị tính: ngàn VNĐ</i>
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020	239.845.037
- Cổ tức bằng tiền năm 2020 (20%/mệnh giá)	155.588.906
- Quỹ đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	28.781.404
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% Lợi nhuận sau thuế)	23.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Hội đồng Quản trị	1.984.504
- Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho Ban Điều hành và CB-CNV	7.938.015
- Thù lao và chi phí của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	7.800.000
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	13.767.704

- Và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 6. Thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Đại hội thống nhất thông qua chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Phân phối lợi nhuận	Giá trị
1	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021	
	- Doanh thu thuần:	3.000 tỷ đồng
	- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế:	280 tỷ đồng
2	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	- Cổ tức năm 2021	Dự kiến 20%/mệnh giá
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển	12% từ lợi nhuận sau thuế
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10% từ lợi nhuận sau thuế
	- Thù lao và chi phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	9,5 tỷ đồng/năm

- Và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được thay đổi hoặc điều chỉnh Kế hoạch nêu trên theo tình hình thực tế.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong những Công ty Kiểm toán có tên dưới đây để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 11. Thông qua Kế hoạch tổ chức và sắp xếp lại hoạt động

Điều 12. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày 11/06/2021

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 thông qua với tỉ lệ đồng ý% và có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 06 năm 2021. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm công bố Nghị quyết này trên website Công ty (www.thienlonggroup.com) theo đúng quy định của pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 13. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết này

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔ GIA THỌ**